

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HOÀNG THANH TÂM

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ
EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

HOÀNG THANH TÂM

**HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT
TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN HẢI HỮU

HÀ NỘI - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân tôi, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào. Các số liệu, nội dung được trình bày trong luận văn này là hoàn toàn hợp lệ và đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về đề tài nghiên cứu của mình.

Ngày tháng năm 2020

Tác giả

Hoàng Thanh Tâm

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới tập thể thầy cô giáo trường Đại học Lao động- Xã Hội đã tận tình và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kinh nghiệm, tâm huyết với nghề nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn TS. Nguyễn Hải Hữu người đã hướng dẫn và chỉ bảo cho tôi rất tận tình trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Nhờ có sự chỉ bảo giúp đỡ của thầy, tôi đã có được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc triển khai và thực hiện đề tài nghiên cứu.

Tôi xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các nhân viên công tác xã hội, gia đình, bạn bè, người thân của trẻ em khuyết tật vận động đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi thực hiện nghiên cứu.

Dù đã rất cố gắng và tâm huyết với đề tài nhưng do kiến thức của bản thân về lĩnh vực nghiên cứu chưa thực sự chuyên sâu, thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được các đánh giá, góp ý của các thầy cô giáo để luận văn của tôi được hoàn chỉnh và có chất lượng hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ngày tháng năm 2020

Tác giả

Hoàng Thanh Tâm

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu	2
2.1. Các nghiên cứu nước ngoài.....	2
2.2 Các nghiên cứu trong nước	4
3. Mục đích nghiên cứu.....	6
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	6
5. Đối tượng, khách thể nghiên cứu	6
5.1. Đối tượng nghiên cứu.....	6
5.2. Khách thể nghiên cứu.....	6
6. Phạm vi nghiên cứu.....	7
6.1. Phạm vi nội dung:	7
6.2. Phạm vi không gian.....	7
6.3. Phạm vi thời gian	7
7. Ý nghĩa nghiên cứu	7
7.1. Ý nghĩa khoa học	7
7.2. Ý nghĩa thực tiễn	7
8. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	8
8.1. Phương pháp luận.....	8
8.2. Các phương pháp nghiên cứu.....	8
9. Nội dung luận văn	11
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG	12
1. 1. Một số khái niệm có liên quan	12
1.1.1. Khái niệm khuyết tật	12

1.1.2. Khái niệm trẻ em.....	13
1.1.3. Khái niệm trẻ em khuyết tật và trẻ em khuyết tật vận động.....	13
1.1.4. Đặc điểm tâm lý của trẻ em khuyết tật vận động.....	15
1.1.5. Nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động.....	16
1.1.6. Khái niệm về công tác xã hội.....	17
1.1.7. Khái niệm về hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động.	18
1.1.8. Khái niệm hỗ trợ	19
1.2. Hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động	19
1.2.1. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.....	20
1.2.2. Hoạt động tham vấn nâng cao năng lực.....	20
1.2.3. Hoạt động hỗ trợ trẻ về giáo dục.....	21
1.2.4. Hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng.....	22
1.2.5. Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp.....	23
1.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động	26
1.3.1. Yếu tố thuộc về trẻ em khuyết tật vận động và gia đình trẻ	26
1.3.2. Yếu tố thuộc về Cán bộ LĐTBXH với vai trò là nhân viên CTXH	27
1.3.3. Yếu tố thuộc về cơ chế chính sách và chính quyền địa phương	23
Tiêu kết chương 1.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	30
2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu	30
2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu.....	30
2.1.2. Khái quát về khách thể nghiên cứu	31
2.2. Thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	36
2.2.1. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức	36
2.2.2. Hoạt động tham vấn nâng cao năng lực	40

2.2.3. Hoạt động hỗ trợ trẻ về giáo dục.....	44
2.2.4. Hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng.....	48
2.2.5. Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp trẻ.....	52
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động.....	56
2.3.1. Yếu tố thuộc về trẻ em khuyết tật vận động, gia đình và cộng đồng.....	56
2.3.2. Yếu tố thuộc về Cán bộ LĐTĐBXH với vai trò là nhân viên CTXH.....	57
2.3.3. Yếu tố thuộc về cơ chế chính sách và chính quyền địa phương.....	59
Tiểu kết chương 2.....	61
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI.....	62
3.1. Giải pháp về đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục nâng cao nhận thức xã hội.....	62
3.2. Giải pháp về chính sách đặc thù của Quận.....	63
3.3. Giải pháp về nâng cao năng lực cho nhân viên CTXH.....	64
3.4. Giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động CTXH trong trợ giúp trẻ em khuyết tật.....	65
3.5. Giải pháp về huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc trợ giúp trẻ em khuyết tật.....	66
3.6. Giải pháp đối với gia đình và trẻ em khuyết tật vận động.....	68
KẾT LUẬN.....	71
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73
PHỤ LỤC 1.....	74
PHỤ LỤC 2.....	81
PHỤ LỤC 3.....	85

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG ĐẦY ĐỦ
1	CTXH	Công tác xã hội
2	NKT	Người khuyết tật
3	TEKTVĐ	Trẻ em khuyết tật vận động
4	NVCTXH	Nhân viên công tác xã hội
5	TEKT	Trẻ em khuyết tật
6	LĐTBXH	Lao động Thương binh xã hội

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

<i>Biểu đồ 2.1. Thực trạng trẻ em khuyết tật theo giới tính</i>	<i>34</i>
<i>Biểu đồ 2.2. Số liệu về trình độ học vấn</i>	<i>34</i>
<i>Biểu đồ 2.4. Mức độ hài lòng về hoạt động tham vấn nâng cao năng lực</i>	<i>43</i>
<i>Biểu đồ 2.5. Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ giáo dục</i>	<i>46</i>
<i>Biểu đồ 2.6. Mức độ quan trọng của hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng của NVCTXH đối với trẻ em KTVĐ</i>	<i>49</i>
<i>Biểu đồ 2.7. Mức độ hài lòng của hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng của nhân viên công tác xã hội đối với trẻ em KTVĐ</i>	<i>52</i>
<i>Biểu đồ 2.8. Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ tìm kiếm,.....</i>	<i>55</i>
<i>Biểu đồ 2.9. Khó khăn trẻ em khuyết tật vận động gặp phải khi</i>	<i>56</i>
<i>Biểu đồ 2.10. Tác động của một số yếu tố tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động</i>	<i>58</i>
<i>Biểu đồ 2.11. Việc nắm bắt, cập nhật các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước của các gia đình có trẻ em khuyết tật vận động.....</i>	<i>59</i>

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

<i>Bảng số liệu 2.1. Thông tin chung của trẻ em khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du, phường Ngô Thì Nhậm.....</i>	<i>31</i>
<i>Bảng số liệu 2.2. Thông tin chung thân nhân của trẻ em khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du, phường Ngô Thì Nhậm</i>	<i>32</i>
<i>Bảng số liệu 2.3. Số liệu về các dạng khuyết tật vận động</i>	<i>35</i>

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trẻ em là thế hệ tương lai của đất nước, nếu được nuôi dưỡng và bồi đắp về tri thức, đạo đức tốt trẻ em sẽ là những người xây dựng một đất nước giàu đẹp trong tương lai. Thế nhưng, nhiều trẻ khuyết tật khi sinh ra đã phải chịu những thiệt thòi khi mang trong mình những dị tật bẩm sinh. Sự khiếm khuyết các bộ phận cơ thể khiến trẻ khó khăn trong quá trình sinh hoạt và tham gia các hoạt động xã hội. Một số trẻ khuyết tật tự ti mặc cảm với bản thân thu mình trong gia đình, số khác thì muốn thể hiện mình trong mọi lĩnh vực xã hội đi ra ngoài giao lưu bạn bè mở rộng các mối quan hệ. Khi được tiếp xúc với thế giới xung quanh trẻ thấy mình có ích hơn trong xã hội, bản thân cũng làm được những việc như những người không khuyết tật khác. Để làm được những công việc đó trẻ khuyết tật cần sự trợ giúp của rất nhiều người xung quanh như bạn bè, gia đình, xã hội.

Theo thống kê hiện nay, Việt Nam có hơn 7% dân số 2 tuổi trở lên – khoảng 6,2 triệu người là người khuyết tật, trong đó có 1,2 triệu trẻ em với nhiều dạng khuyết tật khác nhau và mức độ khuyết tật khác nhau, và có số lượng lớn là trẻ khuyết tật vận động; các em gặp khá nhiều khó khăn trong cuộc sống, cần có sự chung tay của cả cộng đồng trợ giúp các em

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chính sách hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật như: trợ cấp xã hội, miễn giảm học phí, cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí, dạy nghề,...Để giúp các em tiếp cận được các chính sách của nhà nước rất cần đội ngũ những người làm CTXH được đào tạo cơ bản tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trợ giúp các em tiếp cận chính sách giúp các em giải quyết các rào cản gặp phải, cải thiện hoàn cảnh, vươn lên hòa nhập xã hội theo hướng tích cực, bền vững.

Quận Hai Bà Trưng là một quận trung tâm của thành phố Hà Nội. Quận có diện tích 9,62 km² với tổng số dân trên địa bàn quận 318.000 người, tỷ lệ trẻ em dưới 16 tuổi: 38,24% ; toàn quận có 624 trẻ em khuyết tật, trong đó có 292 trẻ khuyết tật dạng vận động. Quận có nhiều điểm vui chơi văn hóa công cộng với 99 tuyến phố được chia làm 18 phường. Nhìn chung có mặt bằng dân trí cao, an ninh trật tự được giữ ổn định. Ủy ban nhân dân quận Hai Bà Trưng xác định việc thực hiện các chính sách trợ giúp cho người khuyết tật, trong đó có trẻ em khuyết tật là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn quận. Tuy vậy nhiều hoạt động trợ giúp trẻ em khuyết tật nơi đây vẫn thiếu tính chuyên nghiệp và hiệu quả chưa cao. Xuất phát từ thực tiễn đó Học viên muốn thông qua các hoạt động công tác xã hội để tìm hiểu những khó khăn và nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động từ đó tìm ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong trợ giúp trẻ em khuyết tật vận động. Với những lý do trên, học viên lựa chọn đề tài : **“Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội”** làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình, với hy vọng sẽ góp phần vào giải quyết những khó khăn mà các em gặp phải, đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của các em.

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Vấn đề trẻ em khuyết tật và hỗ trợ trẻ em khuyết tật luôn là vấn đề nóng và mang tính toàn cầu, đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu, các tổ chức xã hội trong và ngoài nước. Trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều ấn phẩm được đề cập trên các báo, luận án, luận văn thạc sỹ, khóa luận đề tốt nghiệp cập đến vấn đề hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật.

Social Work with Disabled Children – Công tác xã hội với trẻ em

khuyết tật (Kelly, 2005) Những phát triển mới về khuyết tật có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực CTXH. Những phát triển lý thuyết này đã nhấn mạnh những giả định cá nhân và nghề nghiệp về khuyết tật có ý nghĩa quan trọng tới các nhà cung cấp dịch vụ CTXH trong việc ra các quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ khuyết tật. Nghiên cứu dựa trên kết quả từ một nghiên cứu về các dịch vụ hỗ trợ gia đình cho trẻ em khuyết tật ở Bắc Ailen để minh họa các vấn đề về ý nghĩa và tầm quan trọng của CTXH trong việc can thiệp và hỗ trợ trẻ khuyết tật.[17]

Social work with disabled people (Thomas, 2012) – Công tác xã hội với người khuyết tật. Trong tài liệu này, tác giả đã trình bày những vấn đề tổng quan về NKT cũng như những mô hình và phương pháp can thiệp hiệu quả của CTXH trong việc hỗ trợ NKT. Một điểm hay của tài liệu là các dạng khuyết tật được trình bày rõ ràng kết hợp với những phương pháp CTXH phù hợp từ đó mang lại hiệu quả rõ nét hơn với từng nhóm người khuyết tật trong đó có trẻ khuyết tật vận động.[16]

Families with Children with Disabilities - Inequalities and the Social work Model – Gia đình trẻ khuyết tật – Sự bất bình đẳng và mô hình can thiệp CTXH (Monica, 2010). Nghiên cứu cho thấy rằng các gia đình có trẻ khuyết tật trải qua hàng loạt những bất bình đẳng mà các gia đình có con không bị khuyết tật không bị ảnh hưởng. Kết quả nghiên cứu cho thấy cuộc sống của những gia đình này thường có những khó khăn về tài chính, căng thẳng và lo lắng do các rào cản xã hội, thành kiến và cung cấp dịch vụ kém. Mô hình CTXH về người khuyết tật thường được rút ra để minh họa cho cách tổ chức và hỗ trợ các gia đình của trẻ khuyết tật một cách toàn diện. Bằng cách áp dụng mô hình này, những cách thức mới để tạo ra các thực tiễn và chính sách cho những gia đình này có thể được phát triển, kết hợp quan điểm của họ vào quá trình hoạch định chính sách.[4]

2.2 Các nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, cũng có rất nhiều đề tài nghiên cứu liên quan đến các vấn đề của NKT và trẻ em khuyết tật như vấn đề phục hồi chức năng, tái hòa nhập, sống độc lập....Tuy nhiên vẫn còn ít công trình nghiên cứu về trợ giúp trẻ em khuyết tật vận động dưới góc độ của công tác xã hội, sau đây là một số nghiên cứu đã công bố:

“Hướng dẫn giảm kì thị và phân biệt đối xử với NKT” của tác giả Khuất Thu Hồng, Nguyễn Thị Vân Anh cùng nhóm biên tập ISPS năm 2011. Tài liệu này nhằm tăng mục đích hiểu biết và nhận thức của NKT và sự phân biệt đối xử với NKT, ngoài ra cung cấp các kĩ năng cần thiết để NKT có thể hòa nhập cộng đồng.

Năm 2003, Bộ LĐTBXH phối hợp với Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã tiến hành một cuộc khảo sát chọn mẫu tại Việt Nam về tình hình trẻ em khuyết tật ở Việt Nam. Cuộc nghiên cứu khảo sát cũng đã cung cấp số liệu về trẻ em khuyết tật, tỷ lệ phổ biến của khuyết tật tại các vùng miền, đời sống, việc làm của các trẻ em khuyết tật... Qua những thông tin trên, cuộc khảo sát đã có cái nhìn khá cụ thể và đầy đủ về tình hình trẻ em khuyết tật tại Việt Nam.

Đặng Thị Mỹ Phương (2010), Một số biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm đảm bảo cho trẻ khiếm thính học hòa nhập thành công trong trường tiểu học. Tạp chí Khoa học. Trong bài viết tác giả có đề cập đến những hoạt động chuyên môn cụ thể để giúp trẻ khiếm thính hòa nhập tốt hơn trong môi trường giáo dục. Các hoạt động hướng tới việc giảng dạy và giúp các em tương tác với các bạn xung quanh;[13]

Khánh Hiền (2011), *“Giáo dục hòa nhập là mục tiêu của các nước Đông Nam Á”*, Hội nghị lần thứ 2 quan chức cấp cao SEAMEO về giáo dục cơ bản, ngày 18/10/2011. Trong bài viết tác giả nhấn mạnh đến tầm quan

trọng của giáo dục hòa nhập cũng như đưa ra những định hướng chiến lược trong lĩnh vực này;[9]

“Cơ sở lý luận và thực tiễn ngành công tác xã hội với người khuyết tật” của TS. Hà Thị Thu (2015). Trong bài thuyết trình của mình, diễn giả đã phân tích vai trò của nhân viên xã hội trong trợ giúp người khuyết tật, cụ thể: nhân viên xã hội có thể tham gia các chương trình can thiệp sớm cho người khuyết tật; chương trình giúp người khuyết tật trong hòa nhập giáo dục; tham gia vào việc phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng.[8]

Năm 2016, tác giả Nguyễn Thị Thu đã thực hiện 1 nghiên cứu với chủ đề *“Công tác xã hội nhóm đối với trẻ khuyết tật vận động từ thực tiễn trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ tàn tật tại thành phố Hồ Chí Minh”*. Nghiên cứu đã đánh giá được những vấn đề cơ bản về thực trạng trẻ khuyết tật vận động và các hoạt động nhóm trong việc hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động. Kết quả cho thấy nếu lựa chọn các hoạt động CTXH nhóm phù hợp thì hiệu quả đạt được là rất tích cực.[18]

Qua khái quát tổng quan nghiên cứu các tài liệu về người khuyết tật, mô hình, dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật và vai trò của nhân viên công tác xã hội hỗ trợ NKT trên thế giới và Việt Nam giúp tác giả có thể hiểu được rõ hơn về tình hình người khuyết tật, họ đang được nhà nước quan tâm, bên cạnh đó họ còn đang gặp phải những khó khăn nhất định do đó cần có những phương pháp, mô hình hỗ trợ tích cực hơn đối với người khuyết tật. Tuy nhiên hầu hết các công trình nghiên cứu đều chưa nhấn mạnh được hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật vận động. Qua đây đề tài nghiên cứu tác giả sẽ làm rõ hơn hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động. Giúp cho người đọc hiểu rõ hơn tầm quan trọng của nhân viên xã hội hơn nữa. Cách thức trợ giúp hiệu quả đáp ứng được đúng nhu cầu mong

muốn của trẻ em khuyết tật vận động trong sinh hoạt, lao động và học tập.

3. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu về công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động; đánh giá thực trạng hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động và các yếu tố ảnh hưởng tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp khắc phục những khó khăn, hạn chế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động.
- Khảo sát đánh giá thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại địa bàn nghiên cứu.
- Tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương.
- Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương nhằm hỗ trợ hòa nhập cộng đồng.

5. Đối tượng, khách thể nghiên cứu

5.1. Đối tượng nghiên cứu

Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

5.2. Khách thể nghiên cứu

- Trẻ em khuyết tật vận động : 50 trẻ em (độ tuổi từ 10 đến 16 tuổi).
- Gia đình có trẻ em khuyết tật vận động.
- Cán bộ LĐTBXH với vai trò là Nhân viên công tác xã hội và cán bộ chính quyền địa phương.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Phạm vi nội dung

Các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động. Luận văn sẽ tập trung nghiên cứu vào 05 hoạt động công tác xã hội chính là:

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

Hoạt động tham vấn nâng cao năng lực.

Hoạt động hỗ trợ trẻ về giáo dục.

Hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng.

Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp trẻ.

6.2. Phạm vi không gian

Phường Nguyễn Du và Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

6.3. Phạm vi thời gian

Thời gian: Từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2020.

7. Ý nghĩa nghiên cứu

7.1. Ý nghĩa khoa học

Các phát hiện của đề tài nghiên cứu này sẽ góp phần củng cố và khẳng định tính ứng dụng của CTXH trong việc trợ giúp trẻ em khuyết tật vận động. Đặc biệt các kết quả nghiên cứu góp phần hình thành nên một cách nhìn mới vai trò của nhân viên CTXH trong hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động

7.2. Ý nghĩa thực tiễn

- *Ý nghĩa đối với chính quyền địa phương:*

+ Khẳng định vai trò của CTXH trong việc trợ giúp trẻ khuyết tật vận động tại địa phương; giúp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương có cách nhìn khách quan, toàn diện về hoạt động CTXH trong trợ giúp trẻ khuyết tật vận động.

- *Đối với xã hội, cộng đồng:*

Thay đổi nhận thức cách nhìn về hoạt động CTXH trong trợ giúp người khuyết tật và trẻ khuyết tật vận động.

- Đối với trẻ em khuyết tật vận động và gia đình

Nhận thức rõ được vấn đề khó khăn, thách thức của trẻ em khuyết tật vận động và có giải pháp ứng phó phù hợp; tăng cường tính tự tin, khả năng tự lực, tự cường giúp trẻ vươn lên hòa nhập cộng đồng.

- Đối với nhân viên công tác xã hội

Hiểu hơn về cách tiếp cận hoạt động CTXH trong trợ giúp trẻ khuyết tật và gia đình họ; khẳng định được vai trò, hình ảnh của NVCTXH trong hỗ trợ thực thi chính sách đối với trẻ em khuyết tật.

8. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

8.1. Phương pháp luận

Nghiên cứu trên cơ sở duy vật biện chứng: nghiên cứu trên cơ sở thu thập các thông tin liên quan đến đề tài từ đó đánh giá thực trạng về trẻ em khuyết tật vận động tại địa bàn nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động trên cơ sở thực tiễn để đúc rút thành lý luận và những đề xuất thực tiễn, chính sách luật pháp.

Nghiên cứu vấn đề trong hệ thống: Hệ thống những lý thuyết có liên quan trực tiếp, hệ thống các yếu tố có liên quan: dịch vụ trợ giúp, hệ thống chính sách, khả năng của trẻ em khuyết tật...

8.2. Các phương pháp thu thập thông tin

Do đề tài nghiên cứu thuộc phạm vi hẹp là phường Nguyễn Du và Phạm Đình Hổ, với số lượng trẻ em KTVĐ ít gồm 50 thành viên, NVCTXH chiếm một tỷ lệ nhỏ do đó đề tài nghiên cứu sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu định tính. Tuy nhiên tác giả cũng sử dụng một số khảo sát nhằm đưa ra số liệu cụ thể giúp đề tài nghiên cứu được rõ ràng và đầy đủ hơn.

8.2.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Là phương pháp sử dụng các kỹ thuật chuyên môn nhằm thu thập thông tin, số liệu, tài liệu từ các nguồn tài liệu đã được công bố hoặc rút ra từ các nguồn tài liệu những thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình nghiên cứu.

Người nghiên cứu sẽ đi tìm hiểu các tài liệu liên quan tới người khuyết tật, các chính sách luật pháp có liên quan tới NKT, CTXH hỗ trợ cho NKT từ các báo cáo của UBND phường, các giáo trình, tạp chí liên quan... đến NKT.

Đọc, tìm hiểu và phân tích, đánh giá các tài liệu liên quan đến chính sách hỗ trợ đối với TEKTVD và các biện pháp can thiệp, hỗ trợ, giúp đỡ các em.

Mục đích: Xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài nghiên cứu và làm nền tảng cho nghiên cứu thực trạng. Phân tích những thông tin thu thập được từ các đối tượng trẻ em KTVĐ, gia đình trẻ em KTVĐ, số liệu. Ngoài ra phương pháp này cũng nhằm thu thập tất cả những thông tin về chính sách ban hành về NKT nói chung và trẻ em KTVĐ nói riêng, để có đầy đủ tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu triển khai viết đề tài.

8.2.2. Phương pháp quan sát

Quan sát những gì trẻ KTVĐ làm và quan sát những yếu tố xung quanh ảnh hưởng trực tiếp tới trẻ. Từ đó học viên đóng vai trò NVCTXH nắm bắt được hoàn cảnh sống cũng như nhu cầu của trẻ em KTVĐ và từ đó có những kế hoạch trợ giúp phù hợp.

Phải ghi lại kết quả (biên bản) quan sát: ghi lại sự kiện, điều kiện, hoàn cảnh diễn ra sự kiện. Chỉ có ghi lại mới đảm bảo được tính lâu dài và có hệ thống: nhờ đó mới thiết lập được mối quan hệ, liên hệ bản chất điển hình của những biểu hiện của hiện tượng, sự kiện hay tâm lý khác nhau, có thể ghi lại bằng máy ảnh, camera, quay phim, ghi âm, hay bằng tốc ký, biên bản quan sát.v.v...

Mục đích: nhằm thu thập và kiểm chứng các thông tin cơ bản về hoàn cảnh gia đình, hành vi, thái độ của trẻ KTVĐ, mối quan hệ của trẻ KTVĐ với

người thân trong gia đình và mọi người trong xã hội.

Ngoài ra quan sát cũng giúp tác giả hiểu được những khó khăn của nhân viên công tác xã hội khi thực hiện vai trò của họ, những phẩm chất về đạo đức và kỹ năng... của người nhân viên công tác xã hội.

8.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Bảng hỏi là hệ thống các câu hỏi được xếp đặt trên cơ sở các nguyên tắc: tâm lý, logic và theo nội dung nhất định.

Mục đích: Tạo điều kiện cho người được hỏi thể hiện được quan điểm của mình với những vấn đề thuộc về đối tượng nghiên cứu và người nghiên cứu thu nhận được các thông tin cá biệt đầu tiên đáp ứng các yêu cầu nghiên cứu của đề tài và mục tiêu nghiên cứu.

Cách thức tiến hành: Đề tài sẽ sử dụng phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi trong phạm vi 50 trẻ em khuyết tật vận động có độ tuổi từ 7 tuổi đến 16 tuổi để thu thập thông tin về thực trạng trẻ em khuyết tật vận động. Từ đó, có thêm nhiều thông tin cụ thể hơn trong quá trình phân tích thực trạng, và giúp cho người đọc thấy rõ hơn vai trò của NVCTXH trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động.

8.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn sâu là những cuộc đối thoại được lặp đi lặp lại giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng được phỏng vấn nhằm tìm hiểu cuộc sống, kinh nghiệm và nhận thức của người cung cấp thông tin thông qua chính ngôn ngữ của người ấy.

Đề tài tiến hành phỏng vấn các đối tượng chính là:

- Phỏng vấn trẻ em khuyết tật vận động.
- Phỏng vấn gia đình của trẻ em khuyết tật vận động.
- Phỏng vấn nhân viên công tác xã hội.

Mục đích: thu thập những thông tin về thực trạng, kết quả hoạt động,

khó khăn của NVCTXH trong việc trợ giúp trẻ em khuyết tật vận động.

8.2.5. Phương pháp thảo luận nhóm

Mục đích của thảo luận nhóm để tìm hiểu về khó khăn vướng mắc mà trẻ em khuyết tật vận động gặp phải ở các lứa tuổi khác nhau và cách thức mà gia đình cộng đồng đã giúp các em vượt qua. Tổ chức 01 thảo luận nhóm với 7 trẻ em khuyết tật vận động theo các lứa tuổi khác nhau theo chủ đích nghiên cứu. Các em sẽ được thông báo trước về nội dung cách làm và sẽ được mời đến một địa điểm thuận tiện để tham gia họp nhóm dưới sự điều hành trực tiếp của học viên.

9. Nội dung luận văn

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề Lý luận về hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động

Chương 2: Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động và các yếu tố ảnh hưởng tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

1. 1. Một số khái niệm có liên quan

1.1.1. Khái niệm khuyết tật

Định nghĩa về khuyết tật theo cuốn Từ điển Tiếng Việt: từ “khuyết” có nghĩa là không đầy đủ, thiếu một bộ phận, một phần. Từ “tật” có nghĩa là có “điều gì đó không được bình thường, ít nhiều khó chữa ở vật liệu, dụng cụ, máy móc. Còn ở người là sự bất thường, nói chung không thể chữa được, của một cơ quan trong cơ thể do bẩm sinh mà có, hoặc do tai nạn hay bệnh gây ra” Định nghĩa này chỉ ra rằng khuyết tật là khiếm khuyết thực thể ở một bộ phận nào đó hoặc khiếm khuyết về chức năng của một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức của cơ thể và khiếm khuyết đó có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống. Hiện nay, trong các văn bản pháp quy cụm từ “khuyết tật” dần được sử dụng thay cho cụm từ “tàn tật” bởi sử dụng hai từ “khuyết tật” nghe nhẹ nhàng hơn, mang ý nghĩa nhân văn hơn hai từ “tàn tật”. Từ “khuyết” mang ý nghĩa chỉ suy giảm một chức năng nào đó, còn các chức năng khác vẫn hoạt động bình thường.

Theo Điều 3 Luật NKT Việt Nam: Có 6 nhóm khuyết tật [14]

Khuyết tật vận động: Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

Khuyết tật nghe, nói: Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

Khuyết tật nhìn: Là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

Khuyết tật thần kinh, tâm thần: là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với lời nói, hành động bất thường.

Khuyết tật trí tuệ: Là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.

Khuyết tật khác: là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp được quy định ở trên.

Cũng theo Điều 3 Luật NKT quy định mức độ khuyết tật như sau:

Người khuyết tật đặc biệt nặng: là do khuyết tật không thể thực hiện việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày.

Người khuyết tật nặng: là người khuyết tật dẫn đến không thể tự thực hiện một số việc phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày.

Người khuyết tật nhẹ: là người khuyết tật không quy định ở hai nội dung trên và người khuyết tật nhẹ chỉ cần sự trợ giúp nhỏ.

1.1.2. Khái niệm trẻ em

Theo quan điểm của một số tổ chức quốc tế trực thuộc Liên hiệp quốc như Quỹ Dân số (UNFPA), Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) xác định trẻ em là người dưới 15 tuổi.

Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em của Liên hiệp quốc công bố năm 1989 xác định “Trong phạm vi công ước này, trẻ em có nghĩa là dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi sớm hơn”.

Trong phạm vi của đề tài, chúng tôi vận dụng khái niệm trẻ em theo Luật Trẻ em vừa được kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 5/4/2016 và có hiệu lực từ ngày 1 tháng 6 năm 2017. Tại điều 1 của Luật trẻ em định nghĩa rằng “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*” (Luật trẻ em, 2016). [15]

1.1.3. Khái niệm trẻ em khuyết tật và trẻ em khuyết tật vận động

**Khái niệm trẻ em khuyết tật*

Trẻ em khuyết tật là những trẻ em bị tổn thương về cơ thể hoặc rối loạn

các chức năng nhất định gây nên những khó khăn đặc thù trong các hoạt động học tập, vui chơi và lao động.

**Khái niệm trẻ em khuyết tật vận động*

Khuyết tật vận động là một trong những dạng khuyết tật rất phổ biến. Đó là tình trạng giảm hoặc mất chức năng đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

Trẻ em khuyết tật vận động là những trẻ em do các nguyên nhân khác nhau gây ra sự tổn thất các chức năng vận động làm cản trở đến việc di chuyển, sinh hoạt và học tập... Trẻ em khuyết tật vận động gồm có hai dạng:

Một là trẻ em khuyết tật vận động do chấn thương nhẹ hay do bệnh bại liệt gây ra làm què, cụt, khèo, liệt chân, tay.

Hai là trẻ em khuyết tật vận động do tổn thương trung khu vận động não bộ.

Đối với dạng thứ nhất thì những trẻ em này vẫn có một bộ máy sinh học bình thường làm cơ sở vật chất thực hiện hoạt động nhận thức. Nói cách khác, khi trẻ có khiếm khuyết đơn thuần về vận động thì trẻ hoàn toàn có khả năng nhận thức như những trẻ bình thường khác. Tuy nhiên, sự phát triển hoạt động nhận thức của trẻ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng tham gia các hoạt động trong môi trường xung quanh. Trẻ khuyết tật vận động khó đạt được trình độ nhận thức cũng như những trải nghiệm như mọi trẻ bình thường khác. Chẳng hạn, trẻ không thể có cảm giác mỗi chân nếu trẻ bại liệt đôi chân không thể đi được, không thể leo trèo được thì khó có cảm giác về độ cao và kỹ năng lấy thăng bằng của cơ thể, không có cảm giác về sức đẩy của nước nếu không được ngâm mình trong nước...

Đối với dạng thứ hai thì sự tổn thương về não bộ gây rất nhiều cản trở cho hoạt động nhận thức của trẻ, thậm chí là trình độ nhận thức ở mức độ nặng. Hoạt động nhận thức của loại trẻ này cũng có những hạn chế tương tự

như trẻ chậm phát triển trí tuệ và còn bị ảnh hưởng thêm của khuyết tật vận động. Song cũng cần lưu ý những trường hợp khuyết tật vận động do bại não gây nên thì hoạt động nhận thức của trẻ hầu như không bị ảnh hưởng song trẻ khó có thể biểu đạt được suy nghĩ, hành động, lời nói một cách bình thường do sự cản trở của khuyết tật vận động.

1.1.4. Đặc điểm tâm lý của trẻ em khuyết tật vận động

Trẻ em khuyết tật vận động dễ bị kích động, khó kiểm soát phản ứng do bị phân biệt đối xử và thiếu tôn trọng. Ngoài ra TKTVĐ thường có tâm lý mặc cảm tự ti. Luôn cho rằng số phận mình không được may mắn, là gánh nặng cho người thân, gia đình. Do đó họ thường sống khép kín, ngại giao tiếp với mọi người. Trong quá trình tương tác với người khác trong gia đình, cộng đồng họ thường có cảm xúc buồn, thất vọng và hay tự ái. Nếu sống trong những gia đình khó khăn thường NKT có cảm giác bị bỏ rơi.

- Biểu hiện qua nhận thức:

Trẻ em khuyết tật vận động cho rằng mình bị người khác coi thường, thiếu tôn trọng, không thừa nhận họ, nhận thức bị bóp méo, xuyên tạc, không phản ánh hiện thực khách quan.

Trẻ em khuyết tật vận động thấy mình là nạn nhân của các dịch vụ không thể tiếp cận được, của sự phân biệt hơn là làm chủ bản thân và ít khi quyết định được vận mệnh của mình.

Trẻ em khuyết tật vận động có mặc cảm không nhận thức được nhu cầu đích thực của mình là gì, không biết mình thực sự là ai, nhìn mình và người khác có chiều hướng tiêu cực. Mọi tình huống trong xã hội, họ bị cản trở về đi lại nên cảm thấy mình thua thiệt, bất hạnh và cô đơn.

- Biểu hiện qua xúc cảm:

Tình cảm luôn cảm thấy mình thua thiệt và bất hạnh, luôn cảm giác mình là gánh nặng của gia đình và xã hội, có những dự đoán bi quan và luôn sống

trong sợ hãi. Khi có những khó khăn trong việc đi lại, tiếp cận giao thông hay công trình công cộng đều có tư tưởng đổ lỗi hoặc đi từ cảm xúc oán trách này đến oán trách khác.

- *Biểu hiện qua hành vi*

Không phát huy khả năng của bản thân, có thể dẫn đến hủy hoại bản thân, ngại giao tiếp, chỉ thích ngồi, ngại đi lại, sợ đám đông, trong mối quan hệ xã hội thấy rõ sự thua kém.

Khi ở trong hoàn cảnh khó khăn, các em thường có những phản ứng như:

Thường ở trong tâm trạng lo lắng, sợ hãi;

Thường tự ti, mặc cảm, né tránh giao tiếp khiến trẻ khuyết tật khó tạo lập quan hệ xã hội;

Hay nhớ lại những sự kiện bạo lực, những hình ảnh xấu;

Dễ có giá trị, suy nghĩ, hay nhận định sai lệch;

Dễ có những hành vi chống đối như ăn cắp, lừa dối... và cho đó là cách thức để tồn tại;

Thường hay cáu giận, bực tức;

Khó khăn trong hoà nhập với môi trường xung quanh;

Dễ có xung đột với bố mẹ, anh chị em, ông bà... trong gia đình hay có cảm giác cô đơn, bị mọi người xa lánh;

Dễ có nghi ngờ những người xung quanh;

Tinh thần bị suy sụp do mất mát, tổn thương trẻ phải trải qua.

1.1.5. Nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động

Mọi trẻ em sinh ra và lớn lên trong xã hội loài người đều có những nhu cầu cơ bản về cơ thể, sự an toàn (Bậc thang nhu cầu cơ bản của Maslow) và những khả năng nhất định (thuyết đa năng lực của Gardner). TEKT cũng có nhu cầu cơ bản và khả năng nhất định. Tuy ở những mức độ khác nhau so với trẻ em bình thường, đầu tiên có thể kể đến những nhu cầu cơ bản: Nhu cầu cơ

thể (ăn, uống, ngủ...), nhu cầu cảm giác an toàn, nhu cầu cảm giác tiếp xúc, nhu cầu về đồ vật... được thể hiện bằng tiếng khóc, tiếng bập bẹ, tiếng cười, ánh mắt, cử động của cơ thể.

Mỗi trẻ là một bức tranh hết sức đa dạng, phong phú về nhân cách, chúng có khả năng, nhu cầu và sở thích riêng, có cách thể hiện riêng. Được tham gia vào các hoạt động trong môi trường hòa nhập tại cộng đồng, xã hội, nhà trường và gia đình thì trẻ khuyết tật mới có cơ hội được bộc lộ, thể hiện một cách đầy đủ và rõ nét nhất khả năng và nhu cầu của mình. Đồng thời, đó cũng chính là cách giảm thiểu được những ảnh hưởng bất lợi của khuyết tật đối với các chức năng hoạt động cơ thể khác và không làm xuất hiện “khuyết tật thứ hai” của trẻ.

1.1.6. Khái niệm về công tác xã hội

Trên thế giới có nhiều khái niệm khác nhau về công tác xã hội. Dưới đây là một số khái niệm về công tác xã hội và nghề công tác xã hội được đồng ý của các nhà nghiên cứu và những người thực hành công tác xã hội trên thế giới tham khảo, sử dụng:

Theo định nghĩa của Hiệp hội quốc gia các nhân viên công tác xã hội Mỹ (NASW - 1970): *"Công tác xã hội là một chuyên ngành để giúp đỡ cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng tăng cường hay khôi phục việc thực hiện các chức năng xã hội của họ và tạo những điều kiện thích hợp nhằm đạt được các mục tiêu đó"*.

Theo Zastrow (1996): *"Công tác xã hội là hoạt động nghề nghiệp giúp đỡ các cá nhân, nhóm hay cộng đồng để nhằm nâng cao hay khôi phục tiềm năng của họ để giúp họ thực hiện chức năng xã hội và tạo ra các điều kiện xã hội phù hợp với các mục tiêu của họ"*.

Theo tổ chức thực hành công tác xã hội (The Foundation of Social Work Practice): *"Công tác xã hội là một môn khoa học ứng dụng để giúp đỡ mọi người vượt qua những khó khăn của họ và đạt được một vị trí ở mức độ"*

phù hợp trong xã hội. Công tác xã hội được coi như là một môn khoa học vì nó dựa trên những luận chứng khoa học và những cuộc nghiên cứu đã được chứng minh. Nó cung cấp một lượng kiến thức có cơ sở thực tiễn và xây dựng những kỹ năng chuyên môn hóa”.

Ở Việt Nam cũng có nhiều cách hiểu khác nhau về CTXH. Công tác xã hội có thể hiểu là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội, đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Theo TS Bùi Thị Xuân Mai: *“Công tác xã hội là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng giải quyết và phòng ngừa các vấn đề về xã hội góp phần đảm bảo an sinh xã hội.”* [11]

Như vậy, có thể hiểu công tác xã hội là một nghề chuyên nghiệp, áp dụng những nguyên tắc, kỹ năng để trợ giúp có hiệu quả cho cá nhân, gia đình và cộng đồng giải quyết vấn đề góp phần xây dựng xã hội công bằng, hạnh phúc.

1.1.7. Khái niệm về hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động

Hiện nay, chưa có định nghĩa chính thức về khái niệm này tuy nhiên ta có thể dựa vào các khái niệm được đưa ra ở trên để có thể hiểu về hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động.

Hoạt động CTXH trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động là những hoạt động mang tính chuyên nghiệp hướng đến giải quyết các vấn đề liên

quan đến nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động như chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, hỗ trợ học tập giúp trẻ em khuyết tật vận động nâng cao năng lực bản thân, giúp các trẻ em khuyết tật vận động ý thức được các vấn đề của bản thân mình và có ý chí, động lực vươn lên khắc phục sự mặc cảm tự ty vốn có. Ngoài ra, trẻ em khuyết tật vận động có thể tự phục vụ bản thân mình có thể giải quyết được một số vấn đề mà các em gặp phải trong cuộc sống bằng những kiến thức, kỹ năng đã được học tập và rèn luyện.

1.1.8. Khái niệm hỗ trợ

Theo từ điển tiếng Việt thì hỗ trợ là: Giúp đỡ nhau, giúp thêm vào: hỗ trợ bạn bè, hỗ trợ cho đồng đội kịp thời.

Hỗ trợ về khía cạnh xã hội là sự tương trợ giữa người với người, những người biết hỗ trợ cho những người chưa biết. Kẻ mạnh có thể hỗ trợ cho những kẻ yếu thế để tạo ra mối quan hệ tốt đẹp cùng phát triển, tiến tới xã hội văn minh hơn.

Hỗ trợ về khía cạnh kinh tế: Người có tiền sẽ hỗ trợ cho người không có tiền, người có tiềm lực kinh tế hỗ trợ cho người có trí tuệ để cùng nhau phát triển phục vụ mục tiêu chung.

Do vậy có thể hiểu hỗ trợ một cách ngắn gọn như sau: Hỗ trợ là giúp đỡ nhau cùng phát triển vì một mục tiêu chung của hai bên hoặc toàn xã hội.

1.2. Hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động

Hoạt động của công tác xã hội là can thiệp vào cuộc sống của cá nhân, gia đình, nhóm người có cùng vấn đề, cộng đồng và các hệ thống xã hội nhằm hỗ trợ thân chủ đạt được sự thay đổi về mặt xã hội, giải quyết các vấn đề trong các mối quan hệ với con người và để nâng cao an sinh xã hội.

Khi nhân viên xã hội ở những vị trí khác nhau thì thực hiện hoạt động CTXH cũng rất khác nhau, tùy theo chức năng và nhóm đối tượng họ làm việc. Với những tác động và ảnh hưởng tích cực tới xã hội nói chung và trẻ

em khuyết tật vận động nói riêng thì hoạt động nhân viên công tác xã hội có ý nghĩa hết sức to lớn.

1.2.1. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

Nhân viên công tác xã hội có vai trò cung cấp thông tin cần thiết về các quyền lợi của trẻ em khuyết tật vận động, các chính sách, thông tin về sức khỏe, học tập,... có liên quan tới trẻ em khuyết tật vận động.

Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về TEKT, các biện pháp phòng ngừa khuyết tật, các dịch vụ đối với người khuyết tật nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết pháp luật.

Truyền thông nâng cao nhận thức cho gia đình trẻ em khuyết tật vận động về thái độ, cách cư xử, chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc, hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động thông qua các buổi nói chuyện, tập huấn.

Do vậy nhân viên công tác xã hội cung cấp, chia sẻ cho họ những thông tin nền tảng có liên quan tới họ các vấn đề tới quyền lợi và những vấn đề mà họ quan tâm. Bằng phương pháp đọc, kể chuyện, chia sẻ...từ đó cung cấp cho trẻ em khuyết tật vận động và gia đình nhiều thông tin hơn, biết được những quyền lợi của bản thân từ đó họ hiểu biết hơn, độc lập tự chủ hơn trong cuộc sống.

1.2.2. Hoạt động tham vấn nâng cao năng lực

Tham vấn cho trẻ em khuyết tật vận động chính là quá trình nhân viên công tác xã hội tương tác với đối tượng, trong quá trình này nhân viên công tác xã hội sử dụng những kỹ năng chuyên môn, kiến thức và đạo đức nghề nghiệp để khơi dậy, trợ giúp cho trẻ em khuyết tật giải quyết được những vấn đề mà họ đang gặp phải.

Mục đích của tham vấn đối với trẻ em khuyết tật vận động là: nhân viên công tác xã hội Giúp cho trẻ em khuyết tật vận động và gia đình của họ ổn định về mặt tinh thần, giảm bớt những cảm xúc tiêu cực trong hoàn cảnh khó

khăn; Giúp cho TEKT cũng như gia đình của họ đạt tới mức độ thích hợp về tư tưởng, tình cảm, thái độ, hành vi ứng xử, phù hợp với chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội. Bên cạnh đó, quá trình tham vấn còn cung cấp kiến thức, kinh nghiệm, thông tin liên quan đến các lĩnh vực cần thiết cho TEKT: giáo dục, sức khỏe, việc làm....

Tầm quan trọng của tham vấn với trẻ em trong đó có trẻ em khuyết tật vận động.

Trẻ em, nhất là trẻ ở độ tuổi đang dậy thì trong quá trình phát triển thường có nhiều thay đổi về mặt sinh, tâm lý và các quan hệ xã hội. Những thay đổi nhanh chóng của các yếu tố này khiến trẻ trở nên dễ có những lúng túng, khó làm chủ bản thân, khó thích nghi xã hội. Chính vì vậy, tham vấn cho trẻ là một cách mà nhân viên công tác xã hội cung cấp những thông tin, kinh nghiệm cần thiết, giúp trẻ suy nghĩ một cách hợp lý hơn với thực tiễn. Tham vấn cho trẻ là một trong những cách giúp trẻ nhận thức đúng đắn hơn về quyền của trẻ và giúp trẻ tự bảo vệ được chính mình trước những đe dọa hoặc rủi ro có thể xảy ra đối với trẻ.

1.2.3. Hoạt động hỗ trợ trẻ tiếp cận giáo dục

Ở Việt Nam hiện nay có ba loại giáo dục cho trẻ em khuyết tật: giáo dục chuyên biệt, giáo dục án hòa nhập, và giáo dục hòa nhập. Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu của trẻ em khuyết tật. Giáo dục bán hòa nhập và giáo dục chuyên biệt được thực hiện trong trường hợp chưa đủ điều kiện để trẻ em khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập. Với những trẻ em khuyết tật vận động còn khả năng học tập thì quá trình học của trẻ gặp nhiều khó khăn và học chậm hơn so với những trẻ cùng trang lứa. Việc học tập là rất cần thiết đối với trẻ, trẻ khiếm khuyết cơ thể nhưng nhiều em có khả năng học tập rất tốt. Vì vậy, rất cần những hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội, sự quan tâm phối hợp giữa gia đình, nhà trường, cộng đồng

để trẻ em khuyết tật vận động được đến trường học tập và hòa nhập với cộng đồng độc lập tự chủ hơn trong mọi trường hợp.

1.2.4. Hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

Chăm sóc sức khỏe có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sức khỏe người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. Nếu hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe thực hiện tốt sẽ giúp cơ quan chuyên môn có biện pháp điều trị kịp thời để khắc phục khuyết tật, hạn chế các hậu quả do khuyết tật gây ra.

Phục hồi chức năng là một thuật ngữ sử dụng trong y khoa, là một trong 3 lĩnh vực của y học gồm: phòng bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tổ chức Y tế thế giới đã đưa ra một khái niệm đầy đủ về phục hồi chức năng như sau: “Phục hồi chức năng bao gồm các biện pháp y học, kinh tế, xã hội, giáo dục hướng nghiệp, và kỹ thuật phục hồi nhằm làm giảm tác động của giảm khả năng và tàn tật đảm bảo cho người tàn tật hòa nhập xã hội, có những cơ hội bình đẳng và tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội.

Trong nhóm trẻ khuyết tật thì nhóm trẻ khuyết tật vận động thường chiếm tỷ lệ cao, việc hỗ trợ y tế và phục hồi chức năng về vận động là rất quan trọng vì nếu độc lập trong vận động thì trẻ mới có thể độc lập trong nhiều chức năng khác của đời sống cũng như trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày. Để đạt được mục tiêu này thì không chỉ có chăm sóc y tế, phục hồi chức năng mà còn bao gồm các hoạt động tạo môi trường phù hợp nhằm đáp ứng được các quyền và nhu cầu cơ bản của trẻ em khuyết tật vận động. Các hoạt động can thiệp, hỗ trợ về y tế và phục hồi chức năng ngay từ giai đoạn đầu sẽ tạo điều kiện tốt cho sự phát triển của trẻ em khuyết tật vận động trong cộng đồng cũng như đảm bảo tương lai tốt đẹp hơn cho trẻ.

Với hoạt động này thì nhân viên công tác xã hội không làm các hoạt động y tế và phục hồi chức năng mà chỉ hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động giải

quyết khó khăn, vướng mắc, rào cản khi sử dụng dịch vụ phục hồi chức năng.

1.2.5. Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp

Vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ để thực hiện phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp các dụng cụ trợ giúp như: phương tiện giả, được cung cấp dụng cụ chỉnh hình miễn phí; cấp xe lăn, xe lắc, chân tay giả miễn phí; phục hồi chức năng cho người khuyết tật.

Tìm kiếm các tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở dạy nghề cho trẻ em khuyết tật vận động và tạo điều kiện thuận lợi cho NKT có nhu cầu được học nghề phù hợp.

1.3. Quan điểm, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về trẻ em khuyết tật

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm tới công tác chăm sóc và bảo vệ NKT được thể hiện trong văn bản luật pháp cao nhất là Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 1992 và sửa đổi năm 2001. Trên cơ sở của Hiến pháp và Pháp lệnh Người tàn tật ban hành năm 1998, nhiều văn bản pháp luật khác đã được ban hành, triển khai áp dụng trong thực tiễn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của NKT trên mọi mặt của đời sống xã hội.

Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật NKT, hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Đây là văn bản pháp luật cao nhất về NKT từ trước tới nay và là cơ sở pháp lý toàn diện để thực hiện trợ giúp NKT có hiệu quả hơn.

Luật phổ cập giáo dục tiểu học năm 1991;

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991 – được sửa đổi năm 2004;

Pháp lệnh về Người tàn tật ngày 30 tháng 7 năm 1998;

Luật NKT: Được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

ban hành từ ngày 17/6/2010 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2011;

Luật Giáo dục ban hành ngày 27 tháng 6 năm 2005.

Ngoài những văn bản Luật liên quan đến NKT thì còn một số văn bản dưới luật đề cập đến hoạt động chăm sóc, trợ giúp NKT như:

Nghị định số: 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ và Nghị định số: 13/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.

Nghị định số: 28/2012/NĐ-CP ban hành ngày 10 tháng 4 năm 2012 Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NKT.

Nghị định số: 136/2013/NĐ-CP ban hành ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Nghị định số: 762/VBHN - BLĐTBXH ban hành ngày 28 tháng 02 năm 2019 quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Quyết định số: 1019/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về phê duyệt đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 – 2020.

Thông tư số 01/2015/TT-BLĐTBXH ngày 06/01/2015 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn về quản lý trường hợp với NKT.

Ngoài ra, còn có một văn bản khác như: Quyết định số 647/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh khó khăn giai đoạn 2013 – 2020; Quyết định số 01/2002/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng, ngày 17 tháng 01 năm 2002 về việc ban hành Quy chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng; Quyết định số 23/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 22 tháng 5 năm 2006 của

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật; Thông tư số 39/2012/TT-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Bộ Giao Thông Vận Tải hướng dẫn thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hạ tầng giao thông, công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên người tham gia giao thông công cộng.

Thế chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước, các quy định Pháp luật và chính sách dành cho trẻ em ngày càng được cải thiện. Việc ban hành và triển khai thực hiện các văn bản dưới Luật cũng như Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020 đã và đang bảo đảm tốt hơn, các quyền và lợi ích của trẻ em. Quốc hội Khóa XIII đã ban hành Luật Trẻ em năm 2016 đồng thời Chỉ thị 20-CT/TW của Bộ Chính trị nêu rõ: Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách về chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em theo hướng mở rộng chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em thuộc gia đình nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, hiện nay trẻ em khuyết tật vận động và gia đình trẻ gặp phải rất nhiều khó khăn về mặt thể chế để có thể tiếp cận với những nguồn lực cần thiết. Trước hết phải kể đến những rào cản hệ thống trong đó bao hàm hệ thống thực thi chính sách, pháp luật, hệ thống dịch vụ công cùng cơ chế giám sát, thực thi trên thực tế. Thứ nhất là mức trợ cấp xã hội cho trẻ em khuyết tật còn thấp, số lượng trẻ em khuyết tật được tiếp nhận vào các Trung tâm Bảo trợ xã hội còn ít; cơ sở vật chất tại các cơ sở trợ giúp người khuyết tật còn thiếu thốn, nhất là trang thiết bị y tế phục hồi chức năng phù hợp cho NKT, thiếu các dịch vụ trị liệu tâm lý. Nhiều trẻ bị khuyết tật nhưng gia đình không thuộc hộ nghèo vẫn chưa được hưởng trợ cấp; trẻ em khuyết tật, trẻ nhiễm HIV/AIDS ít được đến trường; đa số trẻ em khuyết tật chưa được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng. Thứ hai, một bộ phận cán bộ và người dân

nhận thức chưa đầy đủ về vấn đề người khuyết tật và trẻ em khuyết tật vận động, xem công tác người khuyết tật thuộc trách nhiệm của ngành LĐTBXH và trợ giúp người khuyết tật chỉ là hoạt động từ thiện. Một số nơi công tác chỉ đạo triển khai thực hiện Luật người khuyết tật còn chậm, chưa kịp thời, thiếu sâu sát; vẫn còn tình trạng kỳ thị, phân biệt đối xử với người khuyết tật. Bên cạnh đó các dịch vụ dành cho trẻ em khuyết tật vận động và gia đình của trẻ cũng chưa đầy đủ, thiếu tính linh hoạt, vẫn còn nhiều gia đình NKT chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, dạy nghề, việc làm....

1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động

1.4.1. Yếu tố thuộc về trẻ em khuyết tật vận động và gia đình trẻ

Trẻ em khuyết tật vận động dễ bị kích động, khó kiểm soát phản ứng do bị phân biệt đối xử và thiếu tôn trọng. Ngoài ra trẻ em khuyết tật vận động thường có tâm lý mặc cảm tự ti, luôn cho rằng số phận mình không được may mắn, là gánh nặng cho người thân, gia đình. Do đó họ thường sống khép kín, ngại giao tiếp với mọi người. Trong quá trình tương tác với người khác trong gia đình, cộng đồng họ thường có cảm xúc buồn, thất vọng và hay tự ái. Nếu sống trong những gia đình khó khăn thường NKT có cảm giác bị bỏ rơi. Ngoài ra, vì tình trạng do khuyết tật gây ra, trẻ em khuyết tật vận động biểu hiện dễ nhận thấy là có khó khăn như: ngồi, nằm, di chuyển, cầm, nắm... Do đó trẻ em khuyết tật vận động gặp rất nhiều khó khăn trong sinh hoạt cá nhân, vui chơi, học tập và lao động.

Mặt khác, gia đình và cộng đồng tại địa phương luôn là những người gần gũi nhất đối với trẻ em khuyết tật vận động. Bên cạnh những người thật sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ trẻ em khuyết tật vận động thì vẫn còn những người chưa thật sự quan tâm, chăm sóc, trợ giúp. Sự nhận thức không đúng

đến của những người này ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động của CTXH đối với trẻ em khuyết tật vận động như: họ không tham gia vào các phong trào hay các hoạt động có liên quan đến trẻ em khuyết tật vận động ...

1.4.2. Yếu tố thuộc về Cán bộ Lao động thương binh xã hội với vai trò là nhân viên công tác xã hội

Nhân viên công tác xã hội là những người có kiến thức, kỹ năng, họ là cầu nối giữa đối tượng với các nguồn lực hỗ trợ của xã hội và là người biết quan tâm chia sẻ động viên thân chủ vượt qua khó khăn để vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Nhân viên công tác xã hội còn là người giúp cho gia đình và cộng đồng hiểu rõ những nhu cầu và năng lực của trẻ em khuyết tật vận động từ đó tạo ra môi trường thuận lợi cho trẻ em khuyết tật vận động tự tin phát huy khả năng của mình. Ngoài ra nhân viên công tác xã hội cần phải nắm rõ hệ thống các văn bản quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật từ đó có thể chia sẻ thông tin hỗ trợ trẻ em khuyết tật và gia đình trẻ giải quyết những khó khăn mà họ đang gặp phải.

Tuy nhiên, nhân viên công tác xã hội của phường, xã còn hạn chế về số lượng và chất lượng, chưa được đào tạo bài bản về chuyên ngành CTXH nên chưa nắm bắt hết được tâm lý cũng như tâm tư nguyện vọng của trẻ em khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng, chưa thực sự có phương pháp làm việc chuyên nghiệp, hơn nữa đây lại là cán bộ làm công tác kiêm nhiệm nên chưa thực sự tập trung vào chuyên môn, hiệu quả công việc chưa cao. Bên cạnh đó do năng lực, trình độ còn hạn chế nên việc nhân viên công tác xã hội kết hợp với các ban ngành địa phương để triển khai, tổ chức các chương trình chăm sóc trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương còn thực hiện theo phong trào, tập trung các ngày lễ, tết và đôi khi chỉ để lấy thành tích, thiếu sự quan tâm thường xuyên. Nhiều chương trình, hoạt động, phong trào còn mang nhiều tính hình thức, công tác tuyên truyền chế độ chính

sách an sinh xã hội của Nhà nước chưa được thực hiện tốt, còn nhiều trẻ em khuyết tật chưa được hưởng chế độ trợ cấp, việc tuyên truyền chưa thực sự mạnh mẽ và sâu rộng vì vậy chưa đáp ứng được yêu cầu nguyện vọng của trẻ em khuyết tật vận động.

Phát triển nghề CTXH trong cộng đồng là một trong những giải pháp hiệu quả để giải quyết các vấn đề xã hội, trợ giúp các nhóm đối tượng yếu thế ngay tại địa bàn, góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Do đó, để hướng tới chuyên nghiệp hóa nghề công tác xã hội thì việc phát huy năng lực, vai trò của đội ngũ cộng tác viên là yêu cầu hết sức cần thiết.

Tiểu kết chương 1

Qua nghiên cứu lý luận về hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động chúng ta có cái nhìn tổng quan về hoạt động CTXH với NKT nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng. Từ những khái niệm về trẻ em, trẻ em khuyết tật vận động, công tác xã hội, đặc điểm tâm lý của trẻ em khuyết tật vận động, một số yếu tố ảnh hưởng,... đã phân nào cho chúng ta có cái nhìn chung nhất và hiểu được tầm quan trọng của hoạt động CTXH để giúp trẻ em khuyết tật vận động phát huy tiềm năng của bản thân, cải thiện điều kiện sống của mình.

Hơn nữa nắm rõ được hệ thống Pháp luật Quốc tế và Pháp luật Việt Nam về quyền của người khuyết tật, giúp chúng ta xác định được vị thế của trẻ em khuyết tật vận động ở đời sống xã hội cũng là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động CTXH đối với trẻ em khuyết tật vận động đạt hiệu quả hơn.

Từ những vấn đề mang tính chất lý luận về hoạt động CTXH với trẻ em khuyết tật vận động tôi sẽ tiến hành đánh giá các yếu tố ảnh hưởng như yếu tố đặc điểm bản thân trẻ em khuyết tật và nhận thức của gia đình cộng đồng, yếu tố thuộc về đội ngũ cán bộ nhân viên công tác xã hội, yếu tố về cơ chế chính sách tại quận Hai Bà Trưng để có góc nhìn biện chứng về vấn đề CTXH đối với người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Khái quát về địa bàn và khách thể nghiên cứu

2.1.1. Khái quát về địa bàn nghiên cứu

Quận Hai Bà Trưng có diện tích 9,62 km² với tổng số dân trên địa bàn quận 318.000 người, Quận có nhiều điểm vui chơi văn hóa công cộng với 99 tuyến phố được chia làm 18 phường: Nguyễn Du, Lê Đại Hành, Phố Huế, Phạm Đình Hổ, Đồng Nhân, Đồng Mác, Bạch Đằng, Thanh Lương, Thanh Nhàn, Cầu Dền, Bách Khoa, Quỳnh Lôi, Bạch Mai, Quỳnh Mai, Vĩnh Tuy, Minh Khai, Trương Định, Đồng Tâm. Trụ sở UBND quận: số 33 đường Đại Cồ Việt.

Toàn quận có 1.665 người được xác định là người khuyết tật chiếm 0,52% dân số. Trong đó có 292 trẻ em khuyết tật dạng vận động chiếm 0,09% dân số.

Xác định việc thực hiện các chính sách trợ giúp cho các đối tượng người khuyết tật và trẻ em khuyết tật vận động là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn quận.

Lãnh đạo quận luôn quan tâm chỉ đạo tăng cường phối hợp hoạt động của cấp ủy Đảng, chính quyền các phường, xã đối với công tác trợ giúp người khuyết tật. Kien toàn đội ngũ cán bộ làm công tác hỗ trợ người khuyết tật từ quận đến cơ sở, đội ngũ cộng tác viên tại cộng đồng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật.

Cùng với đó, sự thay đổi về nhận thức xã hội đã giúp cho NKT ngày càng tự tin hơn, hòa nhập với đời sống xã hội. Với vai trò chủ đạo của Nhà nước, hoạt động trợ giúp người khuyết tật đã thu hút sự quan tâm, phát huy trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và cộng đồng về mọi mặt của người khuyết

tật, từng bước giảm dần những rào cản, cải thiện một bước việc đáp ứng các nhu cầu, quyền lợi chính đáng của người khuyết tật, tạo động lực để họ phát huy năng lực, vươn lên hòa nhập, đóng góp cho xã hội.

2.1.2. Khái quát về khách thể nghiên cứu

Tổng số khách thể nghiên cứu của đề tài, bao gồm:

- Trẻ em khuyết tật vận động

Bảng số liệu 2.1. Thông tin chung của trẻ em khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du, phường Ngô Thì Nhậm

Thông tin chung	Nam	Nữ	Tổng cộng
Độ tuổi:	29	21	50
- Dưới 7 tuổi	0	0	0
- Từ 7 tuổi đến 11 tuổi	9	5	14
- Từ 11 tuổi đến 15 tuổi	15	10	25
- Từ 15 tuổi trở lên	5	6	11
Trình độ học vấn:	29	21	50
- Chưa qua đào tạo	0	0	0
- Tiểu học	11	10	21
- Trung học cơ sở	18	11	29
- Trung học phổ thông	0	0	0
Mức độ khuyết tật:	24	26	50
- Nhẹ	8	13	21
- Nặng	9	8	17
- Đặc biệt nặng	7	5	12

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Khảo sát 50 Trẻ em khuyết tật vận động đã và đang được can thiệp bởi các hoạt động CTXH cá nhân, trong đó: về giới tính có 29 trẻ em nam, 21 trẻ em nữ; về độ tuổi của trẻ em từ 6 tuổi đến 16 tuổi; về trình độ học vấn của trẻ

từ trẻ có trình độ tiểu học đến trẻ có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở cụ thể không có trẻ nào chưa qua đào tạo, 21 trẻ đã qua đào tạo cấp tiểu học, 29 trẻ đã tốt nghiệp trung học cơ sở. Về mức độ khuyết tật của trẻ có 21 trẻ khuyết tật ở mức độ nhẹ, 17 trẻ khuyết tật ở mức độ nặng, 12 trẻ khuyết tật ở mức độ đặc biệt nặng.

- Thân nhân của trẻ em khuyết tật vận động

Bảng số liệu 2.2. Thông tin chung thân nhân của trẻ em khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du, phường Ngô Thì Nhậm

Thông tin chung	Nam	Nữ	Tổng cộng
Trình độ học vấn:	4	6	10
- Chưa qua đào tạo chuyên nghiệp	0	0	0
- Trung cấp	0	0	0
- Cao đẳng	1	3	4
- Đại học	3	3	6
Nghề nghiệp:	6	4	10
- Hỗ trợ việc nhà	0	1	1
- Làm công ăn lương	4	2	6
- Buôn bán nhỏ	0	0	0
- Nghề nông	0	0	0
- Không có nghề nghiệp cụ thể	2	1	3
- Không làm gì	0	0	0
Hoàn cảnh kinh tế gia đình:	5	5	10
- Hộ nghèo, cận nghèo	0	0	0
- Kinh tế mức trung bình	4	3	7
- Kinh tế mức khá	1	2	3

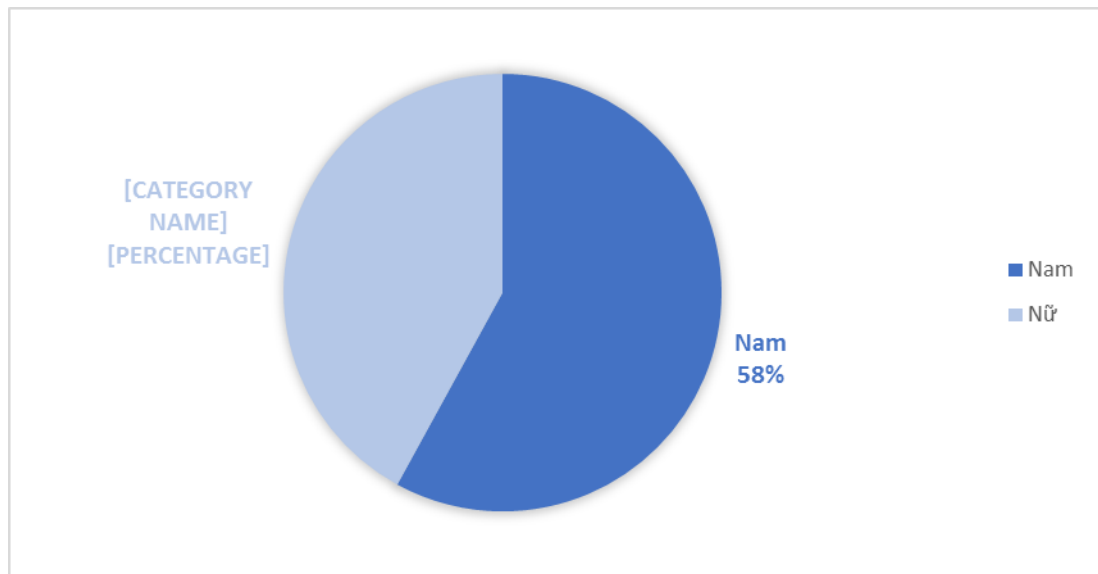
(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Phỏng vấn sâu 10 bố mẹ trẻ em khuyết tật vận động, trong đó trình độ học vấn ở bậc cao đẳng có 04 người, trình độ đại học có 06 người. Nghề nghiệp của các bố, mẹ trẻ được phỏng vấn có 01 mẹ hỗ trợ việc nhà không đi làm, 06 bố mẹ làm công ăn lương, 03 bố mẹ không có nghề nghiệp cụ thể. Gia đình trẻ có điều kiện kinh tế ở mức độ khá 03 gia đình, gia đình trẻ có điều kiện kinh tế ở mức độ trung bình có 07 gia đình.

- Nhân viên công tác xã hội:

Phỏng vấn sâu 04 nhân viên công tác xã hội, trong đó 03 nhân viên nữ, 01 nhân viên nam. Độ tuổi của các nhân viên từ 25 đến 35 tuổi, các nhân viên đều có trình độ đại học, có thời gian công tác từ 4 đến 8 năm.

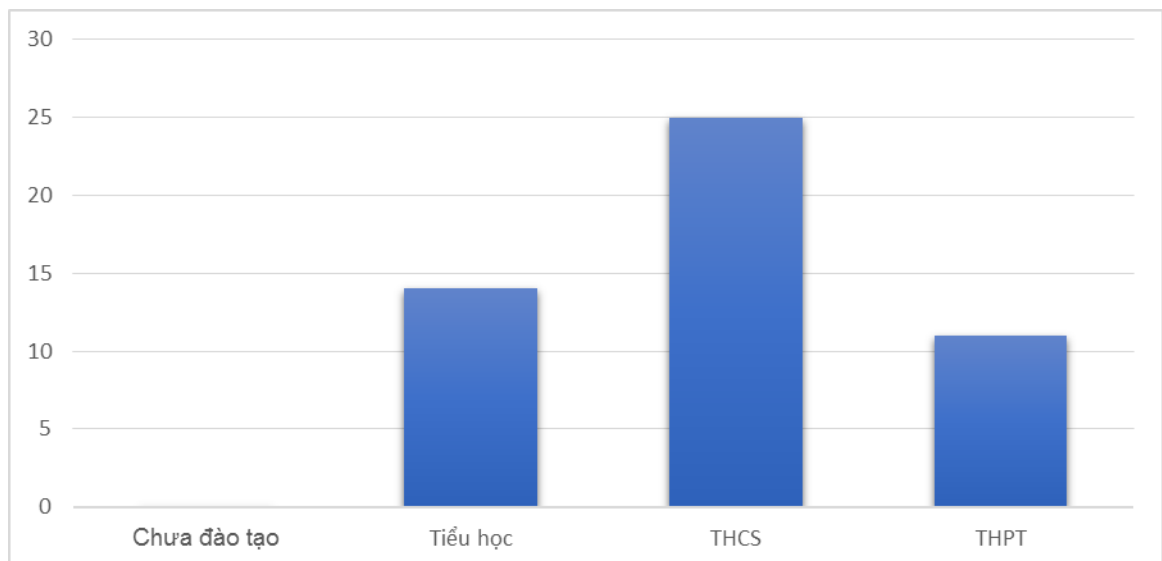
Trong luận văn này tác giả đã tiến hành khảo sát 50 Trẻ em khuyết tật vận động trong độ tuổi từ 10 đến 16 tuổi. Có nhiều nội dung được khảo sát về đời sống của Trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương, tuy nhiên tác giả chỉ tập trung vào phân tích một số nội dung cơ bản của Trẻ em khuyết tật vận động như: tỷ lệ giới tính của Trẻ em khuyết tật vận động, trình độ học vấn, tỷ lệ dạng khuyết tật, tỷ lệ mức độ sức khỏe, giúp chúng ta nhìn tổng quát hơn về thực trạng Trẻ em khuyết tật vận động, đánh giá nhu cầu của trẻ để từ đó có những đề xuất về chính sách, giải pháp cho người khuyết tật nói chung và TEKT nói riêng.



Biểu đồ 2.1. Thực trạng trẻ em khuyết tật theo giới tính

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua biểu đồ 2.1 ta thấy, trong tổng 50 đối tượng nghiên cứu tại phường Nguyễn Du, Phạm Đình Hổ có 29 đối tượng là nam chiếm 58% và 21 đối tượng là nữ chiếm 42%, điều này cho thấy trẻ em khuyết tật tại 02 phường tỷ lệ nam lớn hơn so với nữ giới.



Biểu đồ 2.2. Số liệu về trình độ học vấn

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua biểu đồ 2.2 ta thấy, trong tổng 50 đối tượng nghiên cứu tại phường Nguyễn Du, Phạm Đình Hổ có 14 trẻ em khuyết tật có độ tuổi từ 6 tuổi đến 11 tuổi (độ tuổi Tiểu học) ; 25 trẻ có độ tuổi từ 11 tuổi đến 15 tuổi (độ tuổi Trung học cơ sở) và 11 trẻ có độ tuổi từ 15 tuổi (độ tuổi Trung học phổ thông). Tỷ lệ về học vấn của NVCTXH tại địa phương thể hiện vấn đề quan tâm về giáo dục, vì các em có một cơ thể không được bình thường đã cản trở rất lớn trong việc phát triển nhận thức, quá trình học tập, sinh hoạt tại trường và điều quan trọng hơn nhiều trẻ khuyết tật không có cơ hội tiếp cận với giáo dục.

Bảng số liệu 2.3. Số liệu về các dạng khuyết tật vận động

Dạng khuyết tật vận động	Số lượng
KT thừa dính ngón chân, ngón tay	21
Bẩm sinh khèo chân, tay	27
Bàn chân chữ X, chữ O	22
Trật khớp háng bẩm sinh	12
TEKTVD do bệnh tật	10
KT vận động dạng khác	8

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua bảng số liệu 2.3 các dạng khuyết tật vận động có thể thấy, tỷ lệ trẻ em bị khuyết tật thừa dính ngón chân, ngón tay chiếm 21%; bẩm sinh khèo chân, tay chiếm tỷ lệ 27%; tiếp đến trẻ em bị bàn chân chữ X, chữ O chiếm 22%; tỷ lệ trẻ em trật khớp háng bẩm sinh 12% và nhân viên công tác xã hội do bệnh tật là 10%; khuyết tật vận động dạng khác 8%. Qua kết quả về dạng khuyết tật của trẻ chúng ta có thể đưa ra những biện pháp hỗ trợ phù hợp với trẻ. Khi các em được phẫu thuật và vật lý trị liệu xong để giúp các em tái hòa nhập cộng đồng.

2.2. Thực trạng hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

2.2.1. Hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

2.2.1.1. Nội dung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho trẻ em khuyết tật vận động.

Nhân viên công tác xã hội là người tuyên truyền cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan tới vấn đề cần giải quyết, nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng. Cụ thể ở đây nhân viên công tác xã hội sẽ là người tuyên truyền các thông tin cho người khuyết tật như các quyền, luật pháp, chính sách có liên quan tới người khuyết tật nói chung và TEKT nói riêng. Ngoài ra trong mỗi trường hợp cụ thể thì nhân viên công tác xã hội phải cung cấp thông tin khác nhau như sức khỏe liên quan tới giới tính, học tập, học nghề...

Để cung cấp được những thông tin đó đòi hỏi nhân viên công tác xã hội phải xuyên bổ sung kiến thức và nâng cao kỹ năng cho bản thân từ đó có thể tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức. Các kiến thức được nhân viên công tác xã hội tuyên truyền cụ thể như sau:

- + Luật pháp, chính sách: Cung cấp thông tin về Luật người khuyết tật, Luật trẻ em, nghị định 28/2012/ NĐ- CP của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NKT, nghị định 67/2007/ NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và bổ sung sửa đổi bằng Nghị định số 13/2010/ NĐ- CP....
- + Sức khỏe: Các thông tin về phòng ngừa bệnh tật, trị liệu, tập các bài tập phục hồi chức năng cho người khuyết tật.
- + Học tập: Cung cấp thông tin về các chương trình học bổng của các trường học hỗ trợ cho người khuyết tật, tham gia học tập tại các trường.

“Nhờ có sự cung cấp thông tin của nhân viên công tác xã hội giúp tôi có thêm kiến thức cho con mình hơn. Tôi biết được quyền lợi của con, biết thêm các luật pháp chính sách giành cho những TEKT như con tôi. Đặc biệt là các kiến thức về sức khỏe. Em biết đấy. TEKT có sức đề kháng không tốt, thay đổi thời tiết là con đau ê ẩm, nhờ có sự cung cấp kiến thức về sức khỏe của nhân viên công tác xã hội, từ đó giúp tôi có thêm nhiều kỹ năng trong việc bảo vệ sức khỏe cho con” (Chị PTT, mẹ của trẻ em khuyết tật vận động)

Như vậy có thể nói việc cung cấp thông tin cho nhân viên công tác xã hội và gia đình họ là rất quan trọng, giúp TEKT hiểu thêm về những quyền lợi của mình cũng như thông tin về cuộc sống, từ đó giúp người khuyết tật tự chủ độc lập hơn trong cuộc sống của chính bản thân họ.

2.2.1.2. Phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

Mục đích của hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về quyền cho trẻ em khuyết tật vận động và cộng đồng để trẻ em khuyết tật vận động có thêm thông tin và cơ hội tiếp cận các chính sách đồng thời nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về quyền của người khuyết tật, xác định thái độ, hành vi, cách ứng xử đúng đắn đối với người khuyết tật, xóa bỏ những định kiến sai lầm về khuyết tật, trang bị kiến thức kỹ năng để hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động đúng cách, thúc đẩy hành động thiết thực đối với trẻ em khuyết tật vận động.

Việc cung cấp tuyên truyền thông tin cho trẻ em khuyết tật vận động được dựa trên sự truyền đạt thông tin mà nhân viên công tác xã hội biết. Có thể là kinh nghiệm bản thân nhân viên công tác xã hội cũng có thể lấy đó là kiến thức truyền đạt lại cho trẻ em khuyết tật vận động.

Khi trẻ em khuyết tật vận động và gia đình họ muốn biết vấn đề nào đó, nhân viên công tác xã hội sẽ dùng khả năng thu thập thông tin của mình

có thể qua đồng nghiệp, sách báo, tivi, đài, internet,... tổng hợp những thông tin trọng điểm cần thiết cho trẻ em khuyết tật vận động.

Việc tuyên truyền thông tin cho trẻ em khuyết tật vận động có thể thực hiện trong các chương trình truyền thông của UBND phường, tại đó lãnh đạo UBND phường cùng với nhân viên công tác xã hội sẽ cùng chia sẻ những thông tin có liên quan tới chủ đề hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động được rõ hơn.

Ngoài ra còn có thể tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của phường, phối hợp cùng cán bộ tại khu dân cư tuyên truyền các thông tin đến các hộ dân đang sinh sống trên địa bàn.

Với nhu cầu muốn tìm hiểu thông tin hiện nay của trẻ em khuyết tật vận động và gia đình họ là rất lớn, việc thường xuyên cung cấp những thông tin cho họ là việc rất cần thiết. 100% trẻ em khuyết tật vận động khi được khảo sát đều có câu trả lời hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nhân viên công tác xã hội đối với họ là thường xuyên.

Với phương pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức đã cung cấp cho trẻ em khuyết tật vận động, gia đình và cộng đồng dân cư rất nhiều thông tin nhờ hoạt động của nhân viên công tác xã hội

2.2.1.3. Thuận lợi và khó khăn của nhân viên công tác xã hội trong quá trình hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho trẻ em khuyết tật vận động

- *Thuận lợi:*

Việc tuyên truyền thông tin có thuận lợi hay không là do bản thân nhân viên công tác xã hội có kiến thức về lĩnh vực đó hay khả năng thu tập thông tin của họ có tốt hay không, nếu tốt thì việc giáo dục, truyền đạt sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. “Tôi khá nắm rõ các kiến thức về chính sách cho người khuyết tật và sức khỏe cho TEKT. Nên khi cần cung cấp thông tin về lĩnh

vực này tôi sẵn sàng chia sẻ được nhiều TEK” (Chị NHH, NV CTXH phường Phạm Đình Hổ).

Ngoài ra việc cung cấp thông tin có thuận lợi hay không còn phụ thuộc vào sự cầu thị của trẻ em khuyết tật vận động và gia đình họ, nếu họ ham học hỏi việc lắng nghe thông tin của nhân viên công tác xã hội truyền đạt lại nhiều hơn: “Có những phụ huynh của trẻ em khuyết tật vận động đến gặp tôi và họ chủ động muốn tìm hiểu về các chế độ chính sách giành cho con họ, họ rất chú ý lắng nghe khi tôi chia sẻ thông tin” (Chị HNTT, nhân viên công tác xã hội phường Nguyễn Du).

- *Khó khăn:*

Khả năng truyền đạt kém cũng là một khó khăn cho nhân viên công tác xã hội khi tuyên truyền thông tin. Việc truyền đạt rời rạc, không mạch lạc rất dễ gây sự hiểu nhầm cho trẻ em khuyết tật vận động.

Ngoài ra việc kiến thức hạn chế của nhân viên công tác xã hội cũng là một trở ngại lớn cho việc tuyên truyền thông tin. Như vậy đòi hỏi việc nhân viên công tác xã hội phải luôn trau dồi bản thân để chọn lọc những thông tin tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức.

2.2.1.4. *Kết quả tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức*

Việc tuyên truyền thông tin tốt sẽ hỗ trợ rất lớn cho trẻ em khuyết tật vận động có được những thông tin cần thiết. Theo kết quả phỏng vấn sâu, trong tổng số 100% người được hỏi thì có tới 68,75% số người trả lời là rất hài lòng việc tuyên truyền thông tin mà nhân viên công tác xã hội đưa ra cho họ. Qua ý kiến phỏng vấn sâu PMH (Trẻ em khuyết tật vận động phường Nguyễn Du) “ Nhờ các cô chú NVCTXH ở phường tuyên truyền con mới biết thêm nhiều thông tin về các chương trình học tập giành cho TEK, con biết được nhiều quyền lợi của bản thân. Con rất hài lòng với hoạt động tuyên truyền này”. Ý kiến của anh VHN (Bố của trẻ em khuyết tật vận động phường Phạm

Đình Hồ) đưa ra “Tôi hài lòng. NVCTXH là người thường xuyên được tiếp cận cập nhập các chế độ chính sách mới, bạn ấy nắm rõ được những chế độ ưu đãi giành cho người khuyết tật giống như con tôi. Bạn ấy thường xuyên chia sẻ những thông tin đó cho tôi để đảm bảo quyền lợi cho cháu”.

Hoạt động tuyên truyền đã tác động mạnh mẽ đến trẻ em khuyết tật vận động qua sự nhận thức ngày càng tốt hơn của cộng đồng xã hội, quan tâm hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động thể hiện qua lời nói, hành động, thái độ cư xử phù hợp với người khuyết tật người khuyết tật, ghi nhận khả năng của người khuyết tật với tư cách là một thành viên của xã hội, tạo cơ hội cho trẻ em khuyết tật vận động được tham gia mọi hoạt động của đời sống xã hội như giáo dục, giao thông đi lại, thể thao, giải trí. Đã có rất nhiều cá nhân, tổ chức trong cộng đồng thông qua hoạt động tuyên truyền đã quyên góp, ủng hộ bằng hiện vật nhằm hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động trong phục hồi chức năng, tặng học bổng để hỗ trợ giáo dục cho trẻ em khuyết tật vận động.

2.2.2. Hoạt động tham vấn nâng cao năng lực

2.2.2.1. Nội dung hỗ trợ

Đối với hoạt động tham vấn với trẻ khuyết tật vận động và gia đình các em chủ yếu tập trung ở một số nội dung như:

- Trao đổi/trò chuyện nhằm chia sẻ giải tỏa căng thẳng;
- Tham vấn về những khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống như bị kỳ thị, phân biệt đối xử;
- Tham vấn về vấn đề tình cảm giữa các thành viên trong gia đình và các vấn đề tình cảm trong cuộc sống.

2.2.2.2. Phương pháp hỗ trợ

Tham vấn theo hình thức đánh giá khả năng và cung cấp thông tin cho trẻ và gia đình họ về những vấn đề mà họ quan tâm... Những hình thức này đang hỗ trợ rất tích cực và hiệu quả cho các đối tượng, đặc biệt là những trường

hợp gặp bế tắc trong cuộc sống, đã kết nối họ được với các nguồn lực cần thiết để cải thiện môi trường sống của mình.

Như vậy, có thể thấy hình thức trao đổi, trò chuyện nhằm chia sẻ và giải tỏa căng thẳng là đang được thực hiện nhiều nhất bởi các nhân viên công tác xã hội tại các UBND phường. Trên thực tế theo anh NVH, nhân viên công tác xã hội phường Phạm Đình Hồ *“Việc trao đổi, chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống giúp các đối tượng rất nhiều vì họ được giải tỏa những căng thẳng và từ đó tự tin hơn. Ngoài ra nội dung này được thực hiện nhiều vì đơn giản và khá phù hợp do không phải đòi hỏi những kiến thức chuyên môn sâu về tham vấn”*.

Đối với hoạt động tham vấn về các nội dung cung cấp thông tin thì phần lớn những nội dung này tập trung vào việc cung cấp thông tin liên quan đến phương pháp chăm sóc, kết nối nguồn lực và tìm kiếm các cơ sở học văn hóa và giới thiệu việc làm phù hợp. Trẻ em khuyết tật vận động có rất nhiều dạng như: trẻ bị tật bẩm sinh: Khèo chân, khèo tay, bàn chân thuông, bàn chân ngựa; thừa ngón chân, ngón tay; dính ngón chân, ngón tay; vòng thắt ở chân, ở tay; trật khớp đi lại, vận động khó khăn. Đối với trẻ bị khuyết tật mắc phải: Khèo tay, chân do bại não, bại liệt; Vẹo khuỷu tay, vẹo chân, di chứng liên lệch xương; cứng dính khớp sau chấn thương như cứng gối, cứng khớp háng, khớp vai, khớp khuỷu, khớp cổ chân, cổ tay; liên lệch xương; Sẹo bỏng co kéo, dính khớp... Do đó với nhiều dạng tật như vậy sẽ cần rất nhiều thông tin để có thể đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của họ trong cuộc sống. Chị NTT, mẹ của trẻ khuyết tật vận động cho biết *“Nhiều lúc tôi cảm thấy rất buồn phiền. Ngoài việc con của tôi hay bị trêu chọc và khó hòa nhập thì bản thân chúng tôi cũng muốn giúp cháu có được những nơi để cháu vui vẻ hơn và hòa đồng được với mọi người hơn. Chúng tôi muốn cho cháu đi học và tương lai có thể tìm được những nghề nghiệp nhất định. Nhưng khó để tìm*

được những nơi như vậy. Việc được cung cấp thông tin về vấn đề này là điều chúng tôi rất mong mỏi”

Các đối tượng hướng tới tham vấn ở đây theo đội ngũ cán bộ là bao gồm cả trẻ khuyết tật vận động và các thành viên trong gia đình họ. Địa điểm tham vấn, theo chia sẻ, thì khá đa dạng. Lúc thì trong phòng chuyên môn của UBND phường, lúc thì ở nhà sinh hoạt cộng đồng của khu dân cư, ở nhà của trẻ hoặc đôi khi ở sân chơi chung của khu dân cư. Trên thực tế với sự tâm huyết và cam kết với nghề thì đội ngũ cán bộ luôn sẵn sàng hỗ trợ trẻ và gia đình trẻ thông qua hoạt động tham vấn nên sẵn sàng có thể thực hiện hoạt động này ở bất cứ đâu. Tuy nhiên cũng cần lưu ý không gian tham vấn theo nguyên tắc là cần phải được đảm bảo ở một số tiêu chí nhất định như không quá ồn, cần đảm bảo tính bảo mật thông tin... Do đó đội ngũ cán bộ cũng cần lưu ý đến điều này.

2.2.2.3. Những thuận lợi, khó khăn nhân viên công tác xã hội gặp phải khi thực hiện hoạt động tham vấn nâng cao năng lực.

- *Thuận lợi:*

Phần lớn trẻ em và gia đình có trẻ em khuyết tật vận động đều phối hợp và chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống và vướng mắc trong quá trình chăm sóc trẻ

UBND quận thường xuyên tổ chức những buổi tập huấn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, UBND các phường luôn tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ có thể được tham gia vào các lớp tập huấn đào tạo nâng cao năng lực. Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo kỹ năng tham vấn, tư vấn là vô cùng cần thiết và mang lại hiệu quả thiết thực.

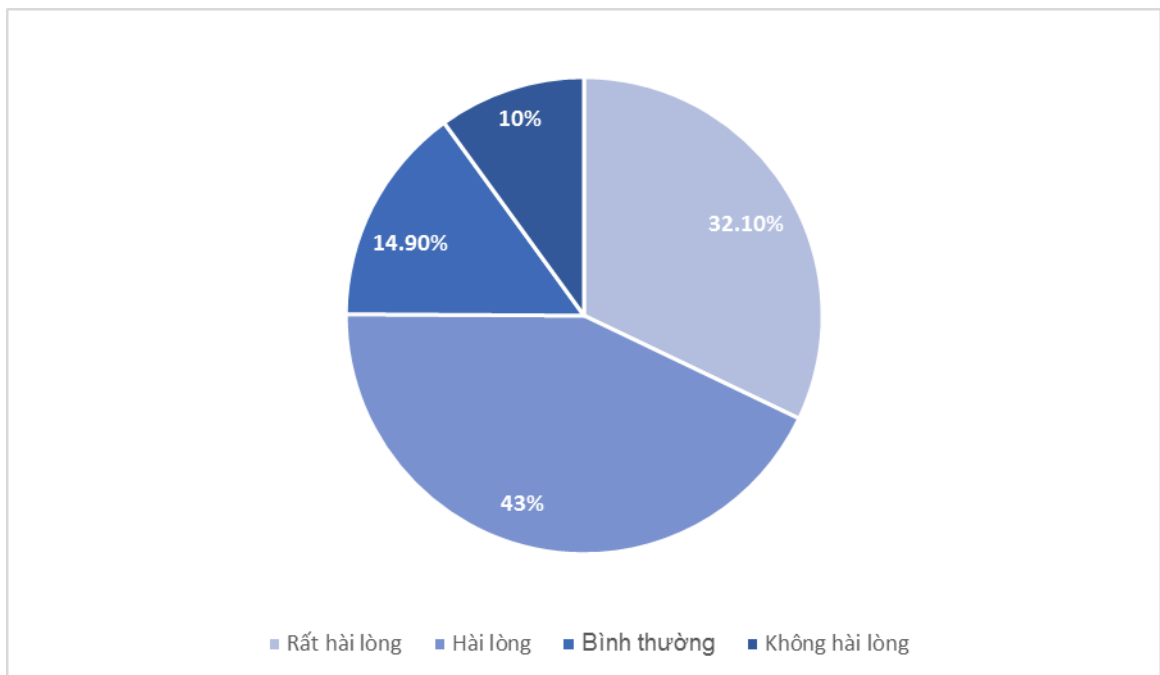
- *Khó khăn:*

Do tính chất công việc của NV CTXH cũng là cán bộ Văn hóa – Xã hội tại UBND phường, ngoài các hoạt động CTXH đối với trẻ em khuyết tật vận động

còn thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác vì vậy chưa đảm bảo được quy trình tham vấn hợp lý để trợ giúp cho trẻ em khuyết tật.

2.2.2.4. Kết quả tham vấn

Có thể thấy đối với việc áp dụng kiến thức của tham vấn trong việc hỗ trợ đối tượng là trẻ khuyết tật vận động và gia đình trẻ thì hầu hết đội ngũ cán bộ đã có sự áp dụng. Với sự tâm huyết và những nỗ lực hết mình trong công việc, kết quả của hoạt động tham vấn được đánh giá thông qua mức độ hài lòng của đối tượng là khá khả quan.



Biểu đồ 2.4. Mức độ hài lòng về hoạt động tham vấn nâng cao năng lực

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua biểu đồ 2.4 cho thấy kết quả khảo sát trẻ em khuyết tật vận động trong tổng số 50 đối tượng nghiên cứu thì có 32.1% ý kiến cho rằng họ cảm thấy rất hài lòng, 43% hài lòng, 14.9% cảm thấy bình thường, 10% cảm thấy không hài lòng. Điều này cho thấy hoạt động tham vấn nâng cao năng lực bước đầu đã đạt hiệu quả, hình thức tham vấn phù hợp đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng ở địa phương. Tuy nhiên còn 10% cảm thấy không hài lòng.

2.2.3. Hoạt động hỗ trợ trẻ về giáo dục

2.2.3.1. Nội dung hỗ trợ

Đề trẻ em khuyết tật vận động có thể làm những gì mà mình muốn không chỉ ở nhà mà ra ngoài xã hội học tập và tham gia hoạt động xã hội cần có sự hỗ trợ rất lớn của NVCTXH.

Tất cả trẻ khuyết tật đều cần được chăm sóc và học tập để đạt được mục tiêu giáo dục chung. Trẻ có tinh thần cộng đồng tập thể, có sự học tập lẫn nhau, biết yêu thương đồng cảm và giúp đỡ nhau tạo thành nhóm bạn bè.

Hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động được cung cấp các dịch vụ học tập, chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với từng dạng tật của trẻ. Qua phỏng vấn sâu, một NVCTXH: *“Tôi nhận thấy hầu như trẻ em khuyết tật vận động đều mong muốn được đi học, đến trường như những người bạn đồng trang lứa”* (HNNT, NVCTXH phường Nguyễn Du).

Như vậy với sự hỗ trợ của NVCTXH, NKT họ được sống toàn diện hơn không chỉ đáp ứng nhu cầu về ăn, mặc, ở mà đó còn là nhu cầu được hoàn thiện, được khẳng định với xã hội. Với việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động học tập đã giúp cho trẻ có thêm nhiều kiến thức, hiểu biết về đời sống xã hội từ đó có những định hướng cho tương lai của mình.

2.2.3.2. Phương pháp hỗ trợ

Trong hoạt động này, NVCTXH là người nắm rõ hệ thống chính sách về quyền của NKT nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng khi tham gia các chương trình giáo dục để tư vấn, tham vấn hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật vận động tiếp cận được quyền của mình khi tham gia vào các chương trình giáo dục như: ưu tiên trong tuyển sinh; miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập...

Để thực hiện được hoạt động này NVCTXH cần phải nắm rõ nhu cầu, sự thiếu hụt của trẻ em khuyết tật vận động để đưa ra hoạt động hỗ trợ phù hợp với điều kiện cũng như khả năng tiếp cận của trẻ em khuyết tật vận động.

Thực hiện hoạt động này NVCTXH là người cung cấp kiến thức, kỹ năng nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình hay cộng đồng qua các hoạt động truyền thông, giáo dục cộng đồng từ đó trẻ em khuyết tật vận động có hiểu biết, tự tin trong cuộc sống, thay đổi nhận thức của cộng đồng.

Giáo dục khuyết tật ở nước ta có 3 phương thức: giáo dục hoà nhập, giáo dục bán hoà nhập và giáo dục chuyên biệt. Riêng giáo dục hòa nhập được thực hiện với tất cả trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trong đó có nhóm trẻ em khuyết tật.. Nhưng để trẻ khuyết tật và trẻ không khuyết tật cùng hưởng một nền giáo dục như nhau đòi hỏi sự cải tiến môi trường giáo dục cả về nội dung, phương pháp dạy mang tính cá biệt cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của mọi học sinh.

Dưới góc độ giáo dục, trẻ khuyết tật được hiểu là trẻ có khiếm khuyết về cấu trúc, suy giảm về chức năng cơ thể dẫn đến gặp khó khăn nhất định trong hoạt động cá nhân, tập thể, xã hội và học tập theo chương trình giáo dục phổ thông. Đưa được trẻ em khuyết tật đến trường đã khó, làm thế nào để trẻ em khuyết tật thích ứng với môi trường học tập hoàn toàn mới mẻ lại còn khó khăn hơn gấp bội. Tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ em khuyết tật vận động là một việc làm quan trọng trong hỗ trợ giáo dục, từ tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ NVCTXH mới có thể xây dựng được kế hoạch hỗ trợ giúp trẻ phát triển. Qua phỏng vấn sâu Chị ĐTH, mẹ của trẻ khuyết tật vận động cho biết: *“Con tôi chuẩn bị vào học lớp 1, nhưng cháu bị khuyết tật dính ngón tay cháu không thể cầm bút bằng tay được hiện gia đình đã tập cho cháu sử dụng bút bằng chân nhưng liệu đến trường cháu có môi trường học tập phù hợp với hoàn cảnh của mình không? Gia đình tôi lo lắng rất nhiều sợ rằng cháu không thể đi học giống các bạn mình.”*

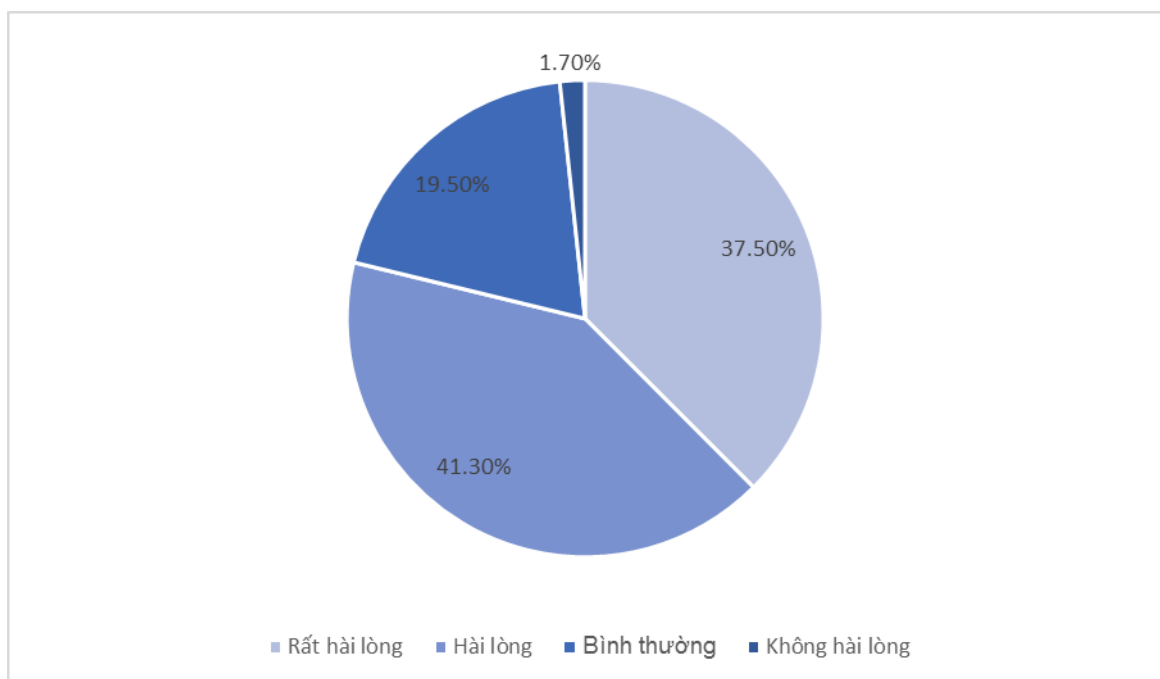
Nhân viên công tác xã hội tuyên truyền tới giáo viên, công nhân viên và học sinh tại các trường học trên địa bàn về quyền học tập của trẻ em

khuyết tật cũng như việc trợ giúp các em có khả năng học tập được tham gia học hòa nhập.

Trẻ khuyết tật được miễn giảm một số môn học hoặc nội dung, hoạt động giáo dục mà khả năng của trẻ khuyết tật không thể đáp ứng. Được miễn giảm học phí, các khoản đóng góp khác theo quy định, được xét cấp học bổng,... tại các trường công lập.

Ủy ban nhân dân quận phối hợp với Phòng Giáo dục tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc với trẻ khuyết tật cho đội ngũ NVCTXH và giáo viên trực tiếp giảng dạy trẻ em khuyết tật.

Với tâm huyết của mình mà hoạt động hỗ trợ về giáo dục đã phần nào giúp ích được cho trẻ em khuyết tật vận động. Kết quả của hoạt động này được đánh giá thông qua mức độ hài lòng của đối tượng được thể hiện ở biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ 2.5. Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ giáo dục

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua quá trình phỏng vấn về mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ giáo dục được biết tổng số 100% trẻ em khuyết tật vận động được hỏi có 37.5% có câu trả lời là rất hài lòng, 40.3% có câu trả lời là hài lòng, 19.5% có câu trả lời là bình thường và 1.7% có câu trả lời là không hài lòng.

2.2.3.3. Những thuận lợi và khó khăn của nhân viên xã hội thực hiện hoạt động hỗ trợ học tập

- Thuận lợi:

Nhận thức chung của cộng đồng về NKT nói chung và TEKT nói riêng được nâng cao nên các em nhận được sự quan tâm, đối xử công bằng của mọi người.

Giáo viên được tập huấn về nhận thức, kỹ năng làm việc với TEKT.

Cha mẹ luôn đồng hành cùng con của họ trong suốt quá trình tham gia học tập. *“Tôi luôn kiên trì học cùng con mong rằng con mình không thua kém ai, mong con luôn tự tin mình cũng giống như các bạn” (Chị PAN, mẹ của trẻ em khuyết tật vận động)*

- Khó khăn:

Khả năng thích ứng với môi trường học tập của trẻ em khuyết tật vận động gặp nhiều khó khăn do những khiếm khuyết về các kỹ năng như: Tự lập, vận động, chơi, ...

Bên cạnh đó còn một số yếu tố như bị bạn bè cô lập, trêu chọc *“ Có bạn không thích cô giáo phân con vào thành viên tổ bạn ấy, bạn ấy bảo có con trong tổ làm ảnh hưởng đến thi đua của cả tổ” (Em NHN, trẻ em khuyết tật vận động phường Nguyễn Du.*

Kỹ năng làm việc với trẻ em khuyết tật vận động của một số giáo viên hòa nhập chưa tốt.

Cha mẹ chưa thực sự quan tâm tới quá trình học tập của con, đánh giá chưa đúng khả năng của con mình dẫn đến lựa chọn phương pháp học cho con chưa phù hợp.

2.2.3.4. Kết quả hỗ trợ

Nhờ việc hỗ trợ của NVCTXH mà trẻ em khuyết tật vận động có nhiều sự cảm thông chia sẻ hơn để đến trường học tập. Từ đó tự tin tham gia các hoạt động học tập, phát huy được tiềm năng cá nhân: *“Cô giáo và các bạn đều giúp đỡ con để con không phải gặp bất tiện nào khi ở trên lớp. Con được đi học như các bạn tham gia các hoạt động của lớp giống như các bạn”* (Em NPC, Trẻ em khuyết tật phường Phạm Đình Hồ)

Như vậy có thể nói đây là hoạt động quan trọng trong việc hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật vận động học hỏi, gặp gỡ bạn bè, không có sự ngỡ ngàng mà thay vào đó là sự tự tin hơn nhiều. Có được điều đó là sự nỗ lực cố gắng không ngừng nghỉ của người nhân viên công tác xã hội, bên cạnh trách nhiệm, bổn phận thì đó còn là tình cảm, sự nhiệt thành hỗ trợ đối với TEKT. Nhân viên công tác xã hội không chỉ mong cho trẻ em khuyết tật vận động được đáp ứng những nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở mà thay vào đó là nhu cầu được học tập, khẳng định mình hòa nhập với xã hội. Từ đó giúp TEKT có tương lai rộng mở hơn, có sự hiểu biết để ứng phó với khó khăn hạn chế sự phụ thuộc vào những người xung quanh.

2.2.4. Hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

2.2.4.1. Nội dung chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

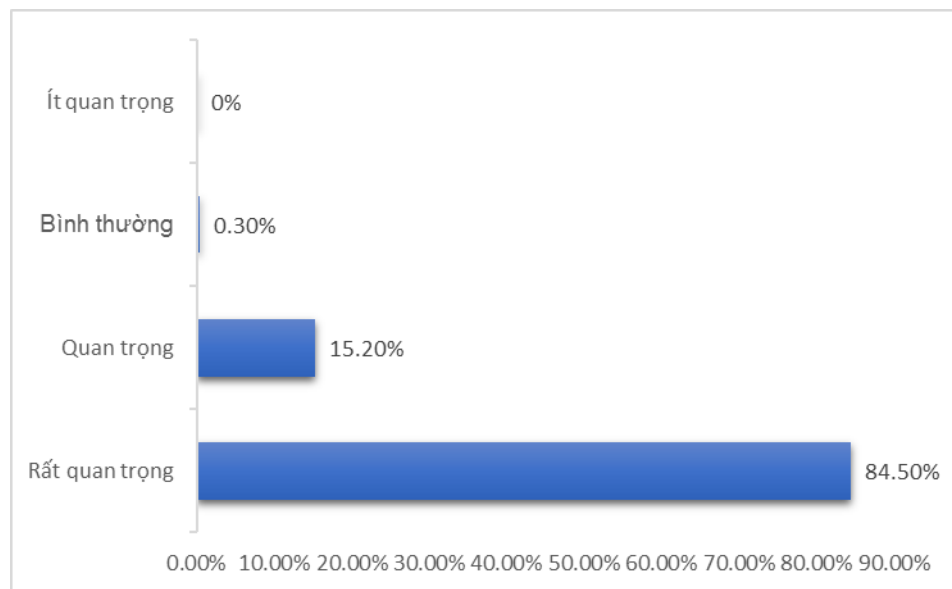
Trẻ em KTVĐ đạt được sức khỏe tốt nhất có thể. Cùng cố, phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và nâng cao chất lượng dịch vụ phục hồi chức năng từ đó can thiệp và cải thiện chất lượng cuộc sống của trẻ em khuyết tật vận động về mọi mặt để họ được hòa nhập và tham gia bình đẳng vào

các hoạt động trong xã hội, phát huy tối đa năng lực của trẻ em khuyết tật vận động.

Trẻ em khuyết tật vận động được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng phù hợp để hòa nhập cộng đồng.

Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng để ngăn ngừa bệnh tật thứ phát. Làm cho người tàn tật thực hiện được tối đa các chức năng sinh lý, tinh thần đã bị giảm hoặc mất do khiếm khuyết và giảm khả năng gây nên. Tạo cho người tàn tật có cuộc sống tự lập tối đa.

Việc chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật vận động là một công việc rất quan trọng, để đáp ứng được nhu cầu cơ bản của họ thì trẻ em khuyết tật vận động mới có thể ra ngoài hòa nhập cộng đồng.



Biểu đồ 2.6. Mức độ quan trọng của hoạt động hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng của NVCTXH đối với trẻ em KTVĐ

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Nhìn vào biểu đồ trên ta có thể thấy 84.5% có câu trả lời là rất quan trọng, 15.2 % có câu trả lời là quan trọng và 0.3% có câu trả lời là bình

thường và 0% trả lời ít quan trọng. Chứng tỏ vai trò này là một vai trò vô cùng quan trọng việc trợ giúp cho TEKTVĐ.

2.2.4.2. *Phương pháp chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng*

Tư vấn, giới thiệu trẻ em khuyết tật vận động đến với các mô hình chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng được tham gia đầy đủ các hoạt động dịch vụ cung cấp, đáp ứng cơ bản nhu cầu bản thân. Thông qua hoạt động phục hồi chức năng trẻ em khuyết tật vận động được phát triển về thể chất và tinh thần; được can thiệp phẫu thuật chỉnh hình, tham gia các hoạt động luyện tập vật lý trị liệu và phục hồi chức năng về y học giúp trẻ em khuyết tật vận động khắc phục những khiếm khuyết của tật bệnh, rèn luyện thể lực, ý trí, trang bị kiến thức, kỹ năng,...

Kết nối chặt chẽ với ngành y tế đảm bảo nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động trong tiếp cận với các dịch vụ về nâng cao sức khỏe, dự phòng , chăm sóc y tế, phục hồi chức năng và dụng cụ trợ giúp. Tư vấn, trợ giúp pháp lý khi cần thiết để đảm bảo quyền lợi ích pháp lý đặc thù của trẻ em khuyết tật vận động trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, chỉnh hình, phục hồi chức năng....

Kết nối mạng lưới và thúc đẩy sự hợp tác đa ngành cho trẻ em khuyết tật vận động và gia đình họ trong chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng. Hoạt động này được coi là hoạt động quan trọng trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động, phần lớn trẻ em khuyết tật vận động khó khăn trong việc tự phục vụ sinh hoạt hàng ngày nếu như không có sự hỗ trợ của mọi người xung quanh. Theo kết quả khảo sát thì 100% tổng số trẻ em khuyết tật vận động được hỏi về tần suất hỗ trợ của NVCTXH trong hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng đều trả lời là “ *thường xuyên*”. Điều này chứng tỏ đây là hoạt động rất quan trọng không thể thiếu đối với trẻ em khuyết tật vận động để có thể đáp ứng được nhu cầu cơ bản, tiến tới thực hiện những nhu

câu tiếp theo. Theo chị TND, mẹ của trẻ em khuyết tật vận động cho biết *“Chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng là vô cùng cần thiết, con tôi sau khi được điều trị phục hồi chức năng đã cải thiện rất nhiều về khiếm khuyết của cháu”*

2.2.4.3. Những thuận lợi và khó khăn của nhân viên xã hội trong quá trình chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

Thuận lợi hay khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như bản thân NVCTXH đã có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để hỗ trợ cho quá trình thực hiện vai trò không, đó là yếu tố chủ quan. Yếu tố khách quan có thể tới từ việc bản thân thân chủ, hay gia đình thân chủ có ủng hộ việc hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng hay không.

- Thuận lợi:

Nhận được sự hợp tác thân gia của trẻ em khuyết tật và gia đình họ. Hầu hết các gia đình có trẻ em khuyết tật vận động đều rất quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

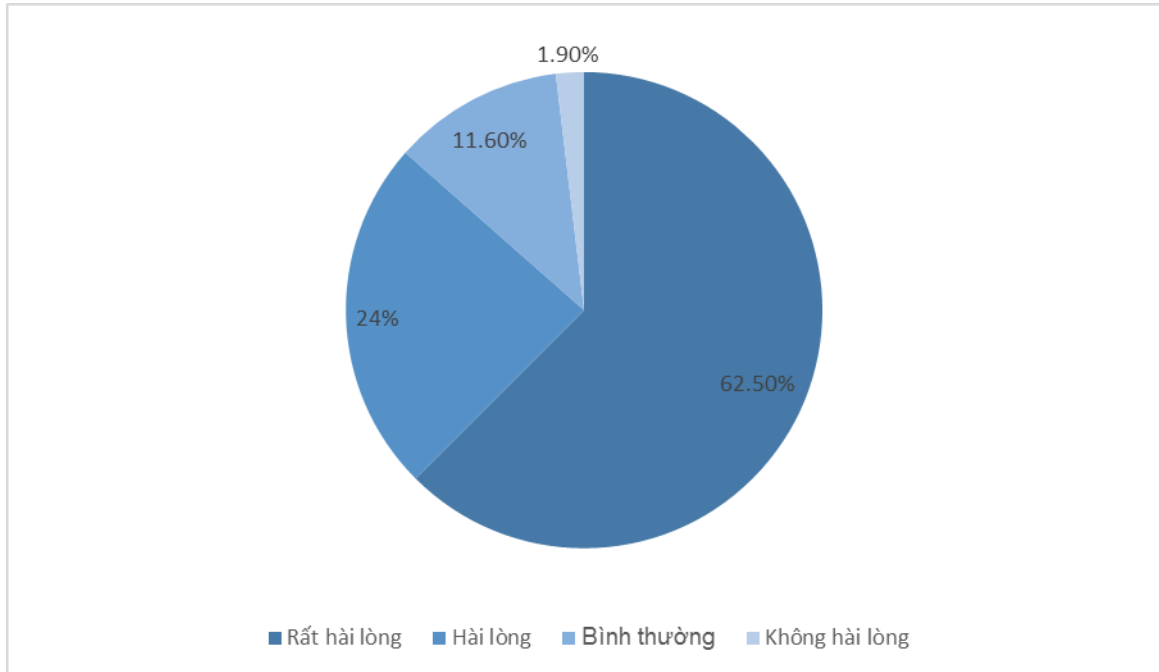
- Khó khăn:

Do kinh nghiệm chưa có của NVCTXH, hay đặc điểm cơ thể của thân chủ, hoặc đôi khi là do sự không ủng hộ của gia đình, việc bắt đồng quan điểm giữa NKT và chính gia đình họ.

2.2.4.4. Kết quả của hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng

Với hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng mà NVCTXH đem lại cho trẻ em khuyết tật vận động, thì kết quả điều tra khảo sát cho biết. Trong tổng số 100% trẻ em khuyết tật vận động được hỏi mức độ hài lòng của hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng mà NVCTXH mang đến cho trẻ em khuyết tật vận động thì có tới 62.5% trả lời rất hài lòng, 24% trả

lời là hài lòng và 11.6% trả lời là bình thường và 1.9% không hài lòng được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.7. Mức độ hài lòng của hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng của nhân viên công tác xã hội đối với trẻ em KTVĐ

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Điều này chứng tỏ rằng, trẻ em khuyết tật vận động rất hài lòng về những gì mà NVCTXH mang lại cho họ ở hoạt động chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng. trẻ em khuyết tật vận động được đáp ứng nhu cầu cơ bản, cải thiện sức khỏe và tình trạng khuyết tật của mình. “*Nhờ NVCTXH tôi đã có thêm rất nhiều kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho con mình, đồng thời cũng đã cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích về phục hồi chức năng mà trước đây tôi không biết đến.*” (Anh VMH, Bố của trẻ em khuyết tật vận động).

2.2.5. Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp trẻ

2.2.5.1. Nội dung hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực

Hoạt động này là một hoạt động quan trọng không thể thiếu trong CTXH bởi hầu hết các đối tượng của CTXH chủ yếu là những nhóm người

yếu thế trong xã hội hoặc nhóm dễ bị tổn thương. Người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng cần sự quan tâm hỗ trợ đặc biệt của toàn xã hội.

Nhân viên công tác xã hội đóng vai trò là người đại diện làm cầu nối cho trẻ em khuyết tật vận động, gia đình trẻ tìm kiếm, tiếp cận nguồn lực. Tìm kiếm nguồn lực giúp trẻ em khuyết tật vận động được tiếp cận với giáo dục, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng phù hợp để hòa nhập cộng đồng.

2.2.5.2. Phương pháp tìm kiếm, kết nối nguồn lực

Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực của CTXH là việc giới thiệu trẻ em khuyết tật vận động và gia đình tiếp cận các dịch vụ, chính sách, nguồn tài nguyên đang sẵn có trong cộng đồng trong việc hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật vận động. Là việc những người làm CTXH tìm hiểu nhu cầu, mong muốn của người khuyết tật về lĩnh vực giáo dục, y tế, phục hồi chức năng, tiếp cận thông tin giới thiệu trẻ em khuyết tật vận động tới các dịch vụ, chính sách, các tổ chức liên quan để có sự hỗ trợ phù hợp và tốt nhất.

Việc kết nối các phụ huynh với các Trung tâm, Trường học rất hiệu quả, đối với Trung tâm thì trẻ em khuyết tật vận động sẽ nhận được những phương pháp giảng dạy phù hợp giành riêng với dạng tật của trẻ. Còn đối với các trường học dành cho trẻ em khuyết tật vận động có thể đi học hòa nhập thì các em có thể được giảm học phí hay một số môn các em không thể học không mất phí. “ *Tôi muốn cho con đi học nhưng không biết môi trường nào thì phù hợp với con, mà kinh tế gia đình tôi cũng không khá giả nên để chọn trường phù hợp với con mình tôi thấy rất khó*” (Chị NMT, mẹ của trẻ em khuyết tật vận động)

Nhiều trẻ em khuyết tật vận động cũng như gia đình trẻ gặp khó khăn không chỉ về kinh tế mà còn khó khăn trong việc hòa nhập cộng đồng. trẻ em khuyết tật vận động bị phân biệt đối xử, khi tới trường. Không phải trường học

nào cũng có môi trường học tập, khuôn viên chơi phù hợp ... Ngoài ra nhiều trẻ em khuyết tật vận động gặp hạn chế trong việc tiếp cận dịch vụ hỗ trợ xã hội.

Kết nối với bệnh viện để trẻ em khuyết tật vận động được khám chữa và phục hồi chức năng cải thiện sức khỏe của bản thân. Hiện nay rất nhiều cơ sở y tế thực hiện hoạt động phục hồi chức năng, nhưng không phải cơ sở nào cũng hoạt động hiệu quả và cải thiện được tình trạng của trẻ em khuyết tật vận động vì vậy NVCTXH với kỹ năng kiến thức và hiểu biết của mình có thể kết nối với những cơ sở y tế hoạt động hiệu quả, các chuyên gia trong lĩnh vực này phân nào giúp đỡ trẻ em khuyết tật vận động đạt được sự kỳ vọng của gia đình. Theo anh TVN, bố của trẻ em khuyết tật vận động cho biết “ *Hiện nay có rất nhiều nơi tập phục hồi chức năng với nhiều phương pháp khác nhau nhưng mình chẳng biết chỗ nào uy tín hoặc tin cậy để đưa con đi điều trị*”

2.2.5.3. *Những thuận lợi và khó khăn của nhân viên công tác xã hội trong quá trình tìm kiếm, kết nối nguồn lực.*

- *Thuận lợi:*

Nhận thức chung của cộng đồng về NKT nói chung, TEKKT được nâng cao nên các em nhận được sự quan tâm, đối xử công bằng có nhiều cơ hội được tiếp cận các nguồn lực.

- *Khó khăn:*

Sự thiếu hiểu biết và cách ứng xử kỳ thị của một bộ phận trong xã hội cũng tạo ra nhiều hạn chế cơ hội tiếp cận các nguồn lực cho bản thân trẻ em khuyết tật vận động và việc tìm kiếm kết nối nguồn lực của NVCTXH.

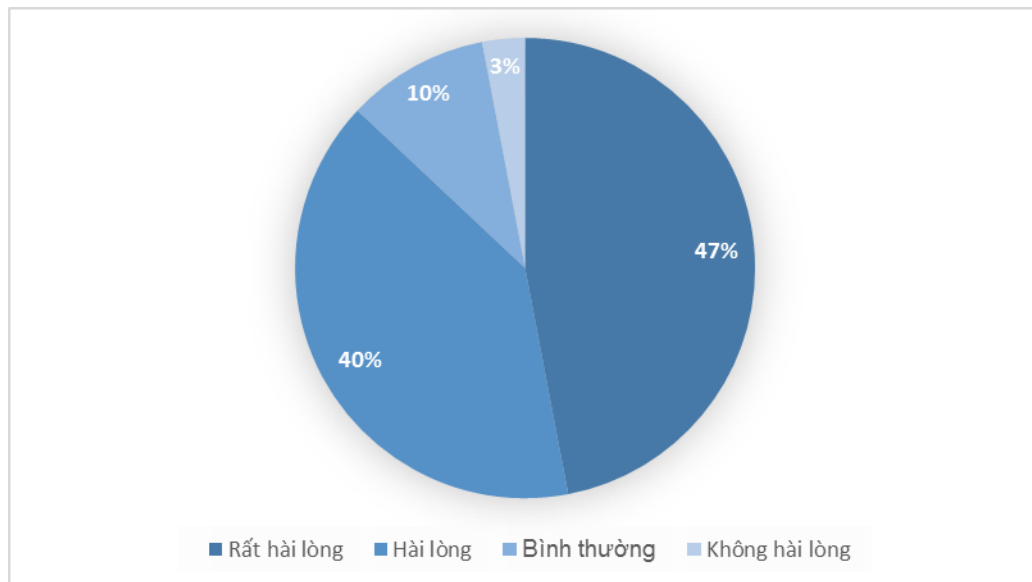
Phần lớn hộ gia đình có TEKKT có hoàn cảnh khó khăn, nên việc kết nối trẻ với dịch vụ y tế, nhất là dịch vụ y tế chất lượng cao vượt quá khả năng tài chính của họ. Trong khi đó, việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế còn nhiều bất cập, một số danh mục kỹ thuật phục hồi chức năng đang được thực hiện tại các cơ sở y tế chưa được quỹ bảo hiểm y tế chi trả, phần lớn các dụng cụ trợ

giúp cho trẻ khuyết tật chưa được bảo hiểm y tế thanh toán.

Không chỉ vậy, nhận thức của nhiều gia đình về các nhu cầu của trẻ em khuyết tật vận động còn hạn chế. Nhiều gia đình không nhận thấy cần chăm sóc nhiều hơn cho trẻ bỏ qua cơ hội tiếp cận các dịch vụ ngay cả khi được kết nối.

2.2.5.4. Kết quả của hoạt động hỗ trợ tìm kiếm, kết nối nguồn lực

Có thể thấy đối với hoạt động hỗ trợ tìm kiếm, kết nối nguồn lực trong việc hỗ trợ đối tượng là trẻ khuyết tật vận động và gia đình trẻ đã đem lại những kết quả nhất định. Với sự tâm huyết và những nỗ lực hết mình trong công việc, kết quả của hoạt động hỗ trợ tìm kiếm, kết nối nguồn lực được đánh giá thông qua mức độ hài lòng của đối tượng là khá khả quan.



Biểu đồ 2.8. Mức độ hài lòng về hoạt động hỗ trợ tìm kiếm, kết nối nguồn lực

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

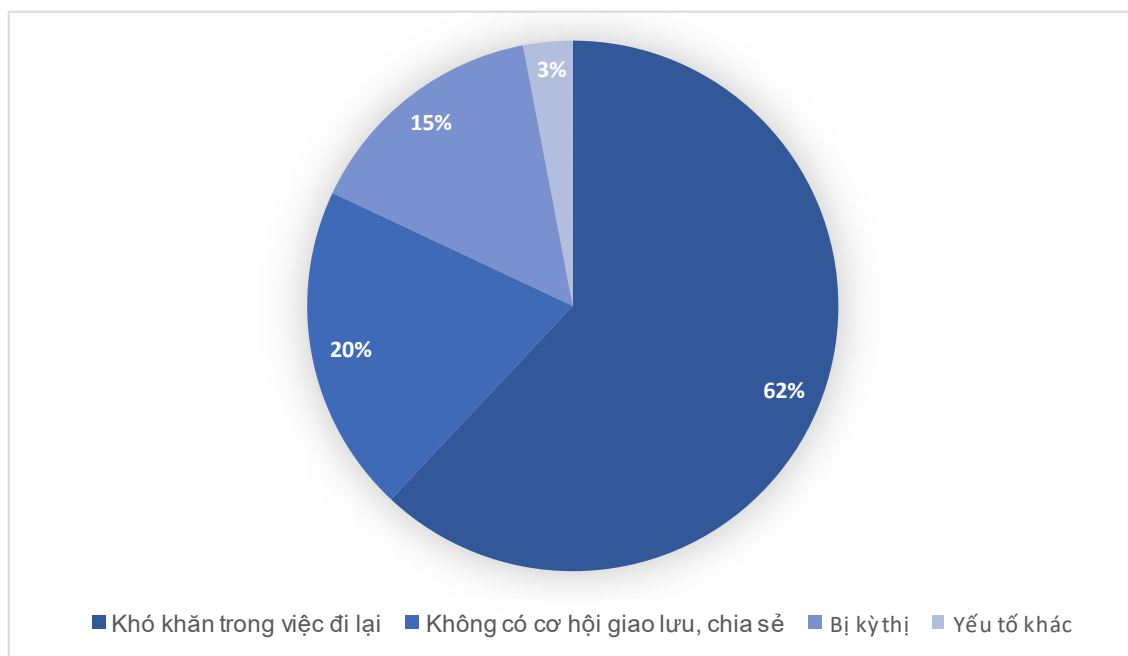
Qua biểu đồ 2.8 cho thấy kết quả khảo sát trẻ em khuyết tật vận động trong tổng số 50 đối tượng nghiên cứu thì có 47% ý kiến cho rằng họ cảm thấy rất hài lòng, 40% hài lòng, 10% cảm thấy bình thường, 3% cảm thấy không hài

lòng. Điều này cho thấy hoạt động hỗ trợ tìm kiếm, kết nối nguồn lực bước đầu đã đạt hiệu quả đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng ở địa phương.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động

2.3.1. Yếu tố thuộc về trẻ em khuyết tật vận động, gia đình và cộng đồng

Người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng hiện vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong cuộc sống và hòa nhập cộng đồng. Nhận thức của xã hội về vấn đề NKT còn hạn chế, khiến không ít người phải chịu sự phân biệt đối xử. Sự thiếu đồng bộ và thiếu hiệu quả trong hệ thống chính sách an sinh xã hội như giáo dục, y tế, việc làm cũng là một rào cản đối với NKT, không những vậy bản thân NKT còn mặc cảm, tự ti, chưa khẳng định được tiếng nói của mình.



Biểu đồ 2.9. Khó khăn trẻ em khuyết tật vận động gặp phải khi tham gia các hoạt động tại địa phương

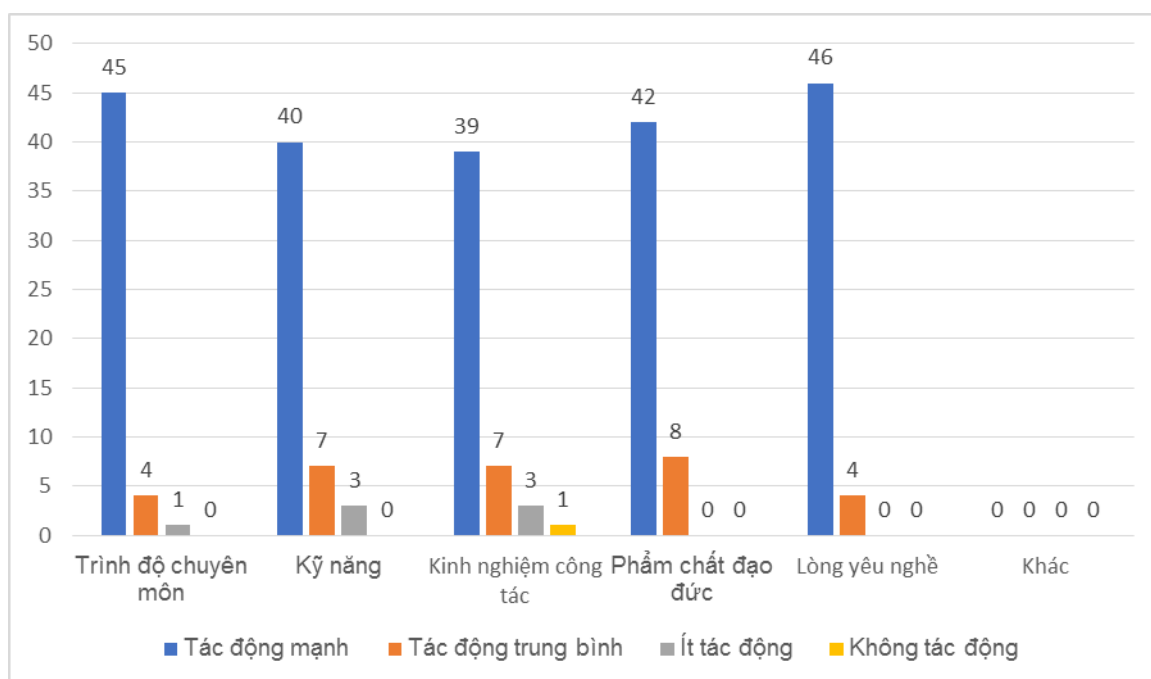
(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Trong quá trình trẻ em khuyết tật vận động tham gia học tập, tham gia các hoạt động xã hội nếu nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng điều này sẽ góp phần tạo điều kiện cho NVCTXH phát huy hết khả năng của mình. Ngược lại nếu cộng đồng có sự nhìn nhận không tích cực, hay có thái độ kỳ thị điều này cũng làm giảm đi vai trò của NVCTXH trong việc trợ NKT.

Một số gia đình có trẻ em khuyết tật vận động người chăm sóc hầu như không hiểu biết về Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các quyền học tập, vui chơi, tham gia...của trẻ nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng; chưa quan tâm đáp ứng các nhu cầu, tâm sinh lý của trẻ qua các giai đoạn phát triển. Nhiều khi NVCTXH xuống cộng đồng đề tư vấn về việc chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho trẻ thường gặp sự cản trở từ gia đình trẻ em khuyết tật vận động do nhiều nguyên nhân: sợ không thể chữa khỏi bệnh, tốn kém về kinh tế, mất nhiều thời gian.

2.3.2. Yếu tố thuộc về Cán bộ LĐTBXH với vai trò là nhân viên CTXH

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực của NVCTXH có ảnh hưởng việc thực hiện hoạt động hỗ trợ đối với trẻ em khuyết tật vận động. Trong đó năng lực của đội ngũ cán bộ bao gồm các thành tố như: Kiến thức, kỹ năng, đạo đức, kinh nghiệm. Những yếu tố này tác động trực tiếp và gián tiếp tới quá trình hỗ trợ, hiệu quả của hoạt động hỗ trợ đối với trẻ em khuyết tật vận động.



Biểu đồ 2.10. Tác động của một số yếu tố tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

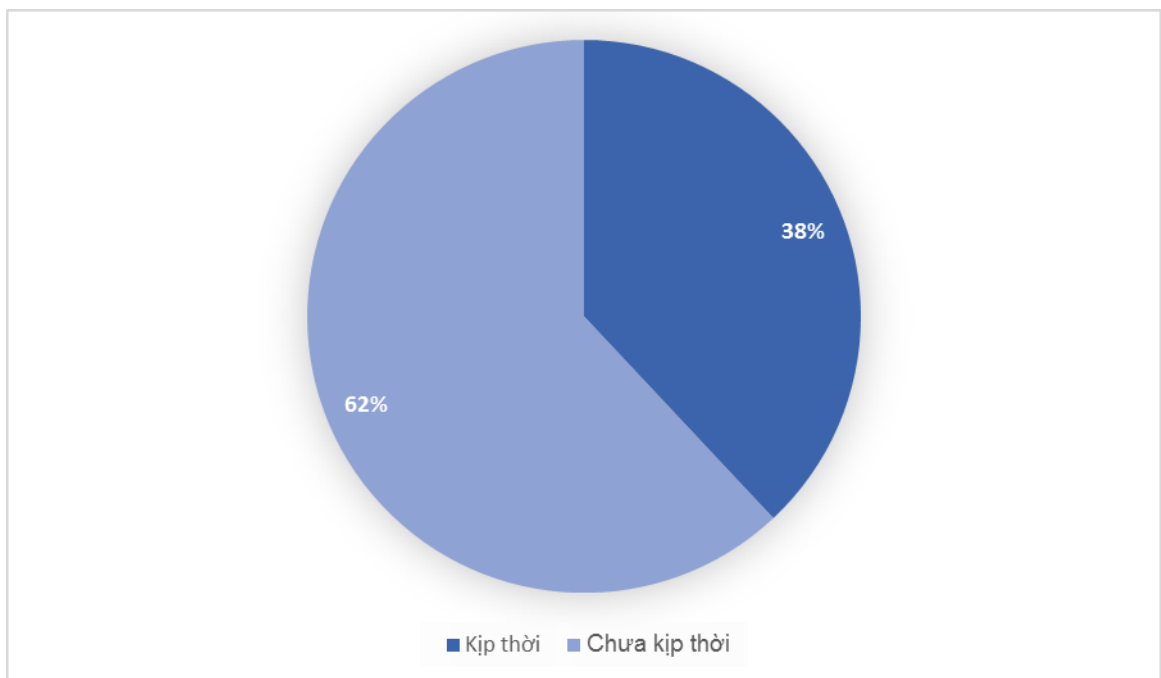
Với phương châm không ngừng nâng cao chất lượng công việc, trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng tốt mọi nhiệm vụ được giao. Trong những năm qua UBND quận đã tạo điều kiện cho cán bộ thường xuyên tham gia các lớp tập huấn, các khóa học ngắn hạn, dài hạn về CTXH. Cụ thể cử 20 cán bộ chính sách phường, xã tham gia tập huấn nghiệp vụ về nghề công tác xã hội; tập huấn về chăm sóc sức khỏe liên quan đến NKT nói chung và TEKT nói riêng. Ngoài ra còn tập huấn kỹ năng tham vấn; chăm sóc sức khỏe dựa vào cộng đồng. Qua đó, đã bổ sung thêm cho cán bộ CTXH tại các phường thuộc quận những hiểu biết, kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, khả năng trợ giúp của đội ngũ cán bộ phường vẫn còn hạn chế, chưa thể đáp ứng hết được nhu cầu của NKT nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng, xuất phát từ năng lực còn hạn chế, số lượng cán bộ còn

ít, nhiệm vụ về nghề CTXH còn mới ...

2.3.3. Yếu tố thuộc về cơ chế chính sách và chính quyền địa phương

Một đất nước có nền kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ tạo điều kiện rất lớn cho sự phát huy hết vai trò của NVCTXH, Đảng và Nhà nước ta cũng đã đưa ra nhiều chính sách nhằm hỗ trợ cho NKT và cho hoạt động nghề CTXH phát triển. Tuy nhiên chưa thực sự tập trung vào việc hỗ trợ NVCTXH trong việc giúp đỡ người yếu thế cụ thể là NKT.



Biểu đồ 2.11. Việc nắm bắt, cập nhật các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước của các gia đình có trẻ em khuyết tật vận động

(Nguồn khảo sát của đề tài năm 2020)

Qua kết quả khảo sát nghiên cứu gia đình trẻ khuyết tật tại Phường Nguyễn Du, Phạm Đình Hổ cũng cho thấy rằng phần lớn gia đình trẻ khuyết tật chưa hiểu và nắm bắt kịp thời hệ thống các văn bản, chính sách của Đảng và Nhà nước dành cho NKT nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng dẫn đến đa số TEKT và gia đình trẻ vẫn chưa được tiếp cận hoặc tiếp cận chưa đầy đủ các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, dạy

nghề, việc làm, trợ cấp hàng tháng... do hoạt động truyền thông chưa sâu rộng, phương pháp truyền thông chưa phù hợp với các dạng tật khác nhau nên thông tin chưa đến được với TEKT và gia đình trẻ. Chính vì vậy, cơ chế chính sách cũng là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ đối với trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương.

Tiểu kết chương 2

Trong những năm qua để góp phần quan trọng vào sự phát triển nghề CTXH trên địa bàn Quận, hoạt động hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật vận động đang được ưu tiên. Tuy nhiên do đội ngũ cán bộ nhân viên công tác xã hội đang còn ít, kinh phí hỗ trợ trợ giúp đối tượng còn hạn chế nên vấn đề công tác xã hội với NKT đặc biệt là đối với trẻ em khuyết tật vận động vẫn còn chưa sâu rộng, vẫn còn nhiều bộ phận trẻ em khuyết tật vận động chưa được quan tâm, chưa được tìm hiểu về nhu cầu, chưa được tiếp cận với các dịch vụ y tế, chỉnh hình, phục hồi chức năng, tham vấn tâm lý. Các hoạt động văn hóa, thể thao mới chỉ hướng đến đối tượng khuyết tật nhẹ. NVCTXH ở cấp cơ sở còn phải kiêm nhiệm, không có đủ thời gian để hoàn toàn chú trọng vào công tác xã hội, vì thế những đối tượng thụ hưởng chính sách như NKT còn ít biết đến đội ngũ này. Thực trạng trên cũng là cơ sở là tiền đề để đưa ra những phương hướng và giải pháp về mặt chuyên môn và phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực công tác xã hội đối với NKT.

Mặc dù hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động ở Việt Nam nói chung và quận Hai Bà Trưng nói riêng còn khá mới mẻ, song đã đem lại hiệu quả tác động tích cực có tính thực tiễn cao. Tuy nhiên, những hoạt động hỗ trợ ở Quận vẫn chưa mang tính chuyên nghiệp cao, cần xây dựng một quy trình trợ giúp chuyên nghiệp và đội ngũ cán bộ có đủ năng lực về chuyên môn, kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp. Do đó tôi sẽ đề xuất và kiến nghị để đẩy mạnh hơn nữa hoạt động CTXH với nhóm đối tượng yếu thế để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG HỖ TRỢ TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, HÀ NỘI

3.1. Giải pháp về đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục nâng cao nhận thức xã hội

Để hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ TEKT thực sự có hiệu quả, cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động nâng cao nhận thức của xã hội đối với TEKT nói chung và TEKT VĐ nói riêng bởi đó chính là nền tảng và là cơ sở cho hoạt động CTXH trong hỗ trợ TEKTVĐ. Trong thời gian tới đây, đòi hỏi công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức được cấp ủy, chính quyền đặc biệt quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện. Với vai trò là cơ quan quản lý đối tượng, hàng năm Phòng Lao động – Thương binh xã hội quận cần hệ thống hóa các văn bản quy định, biên soạn tài liệu tuyên truyền hướng dẫn nghiệp vụ, tờ rơi... in và tuyên truyền nâng cao nhận thức.

Cụ thể bằng việc truyền thông qua các cơ quan báo chí, truyền hình và trực tiếp tuyên truyền việc cung cấp dịch vụ đến các phường trong Quận.

Bên cạnh phương thức truyền thông truyền thống như báo viết, phát thanh truyền hình, cũng cần có thêm nhiều biện pháp truyền thông phù hợp khác như phát đĩa tại cộng đồng, tờ rơi tuyên, áp phích tuyên truyền kiến thức về thụ hưởng các dịch vụ công tác xã hội trên địa bàn hoặc truyền thông qua báo điện tử, truyền thông qua mạng xã hội để có thể đưa thông tin về công tác xã hội cũng như các hoạt động công tác xã hội đến nhiều TEKTVĐ được tiếp cận. Trong đó cần đặc biệt chú trọng các hình thức tuyên truyền thông qua các buổi tập huấn, hội thảo, các buổi tọa đàm. Nhân viên công tác xã hội qua đó sẽ giúp đưa thông tin chính xác, đầy đủ và trực tiếp đến với trẻ em khuyết tật vận động và gia đình họ.

Công tác tuyên truyền cần đi sâu, đi sát tới từng hộ gia đình trẻ em khuyết tật vận động để nắm bắt tốt nhất và đầy đủ các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, phục hồi chức năng, cũng như các quyền của trẻ em khuyết tật vận động.

Thực hiện việc tuyên truyền bằng các hình thức như: Xây dựng chuyên đề, chuyên mục, tọa đàm, đưa ra các tấm gương điển hình của trẻ em khuyết tật trong việc vượt khó vươn lên học văn hóa, học nghề, hòa nhập cộng đồng...Hoặc đưa ra các lời kêu gọi để gây quỹ hỗ trợ trẻ em khuyết tật.

Các tủ sách tuyên truyền pháp luật đặt tại nhà văn hóa khu dân cư cần trang bị tài liệu hướng dẫn về chăm sóc sức khỏe can thiệp sớm tình trạng khuyết tật của trẻ . Cần có kế hoạch tuyên truyền sâu rộng nâng cao nhận thức về trẻ em khuyết tật đến các phòng ngành có liên quan, đại diện tổ dân phố và các gia đình có trẻ em khuyết tật.

Đây là nội dung quan trọng mà nhờ nó TEKT nói chung và TEKTVĐ nói riêng sẽ nhận được cái nhìn cảm thông chia sẻ hơn từ phía xã hội, giúp các em có thể vượt qua mặc cảm, tự ti, nhanh chóng hòa nhập cộng đồng.

3.2. Giải pháp về chính sách đặc thù của Quận

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng, thúc đẩy kết nối hoạt động của các phòng, ngành để thực hiện chính sách tốt hơn. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức và nhân dân trong thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về trợ giúp NKT; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội đối với các tổ chức của NKT...

Cùng với đó, các hội, đoàn thể cũng có nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực cho NKT như dạy nghề, tạo việc làm, trợ cấp, tặng quà cho trẻ em

khuyết tật...; tạo điều kiện thuận lợi để trẻ em khuyết tật vận động tiếp cận các chính sách chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo nghề, việc làm, tín dụng, bảo trợ xã hội, hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch, đi lại.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các vi phạm trong thực hiện luật pháp, chính sách đối với người khuyết tật; xây dựng tiêu chuẩn các cơ sở hạ tầng thiết yếu phù hợp cuộc sống của người khuyết tật, tạo cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật; đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp NKT, huy động các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia trợ giúp người khuyết tật; đề cao vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường và trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trợ giúp người khuyết tật.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện và can thiệp sớm, trị liệu tâm lý, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật; khuyến khích trẻ em khuyết tật có khả năng học tập, lao động khắc phục khó khăn, vươn lên sống độc lập, hòa nhập xã hội, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và giúp đỡ người khuyết tật khác.

Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về người khuyết tật, nâng cao nhận thức về trách nhiệm của gia đình, cộng đồng xã hội đối với NKT.

3.3. Giải pháp về nâng cao năng lực cho nhân viên CTXH

CTXH là hoạt động chịu ảnh hưởng rất nhiều của mối quan hệ tương tác với con người, do vậy hoạt động của nghề nghiệp này mang tính chất khá phức tạp. Chất lượng và hiệu quả của hoạt động CTXH được quyết định một phần không nhỏ bởi năng lực, trình độ của nhân viên công tác xã hội. Chính vì vậy việc nâng cao năng lực, trình độ cho nhân viên công tác xã hội là một việc làm hết sức cần thiết và quan trọng.

Để đảm bảo cho các hoạt động của CTXH đối với trẻ em khuyết tật vận động đạt hiệu quả cao thì cần thiết phải đào tạo nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho nhân viên công tác xã hội.

Chúng ta luôn cần phải tiếp tục đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cho nhân viên công tác xã hội để có thể đáp ứng các yêu cầu đặt ra về công tác xã hội.

Cần tổ chức các lớp tập huấn dành cho nhân viên công tác xã hội, mục đích của việc mở các lớp tập huấn là nhằm giúp cho nhân viên công tác xã hội thấy rõ vai trò và trách nhiệm công việc của mình để từ đó họ có thái độ đúng đắn hơn với nghề nghiệp. Như vậy khi đã được đào tạo một cách bài bản thì nhân viên công tác xã hội sẽ có kiến thức chuyên môn, hiểu biết về những chính sách của Đảng và Nhà nước, về các dịch vụ xã hội cũng như các nguồn lực trong xã hội cùng với sự am hiểu về kỹ năng làm việc với đối tượng NKT nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng sẽ giúp cho nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt những hoạt động CTXH với trẻ em khuyết tật vận động. Đồng thời, với những hiểu biết về ngành CTXH sẽ phát huy khả năng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ xã hội như tư vấn, tham vấn... cho trẻ em trẻ em khuyết tật vận động, giúp họ có thêm niềm tin và sức mạnh về tinh thần để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, vươn lên hoà nhập cộng đồng tốt hơn.

Cuối cùng để có thể nâng cao được năng lực, trình độ thì chính bản thân người nhân viên công tác xã hội phải luôn trau dồi những phẩm chất đạo đức, cố gắng tìm hiểu, học hỏi, và trang bị cho mình những kỹ năng, kiến thức về CTXH để có thể trợ giúp đối tượng một cách tốt nhất và đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao.

3.4. Giải pháp về nâng cao chất lượng hoạt động CTXH trong trợ giúp trẻ em khuyết tật

Trong hỗ trợ giáo dục hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động cần phải phối hợp với các phòng ngành liên quan thực hiện xây dựng mô hình giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt và giáo dục đặc biệt, hướng nghiệp. Khuyến khích các tổ chức cá nhân mở trường, lớp giáo dục chuyên biệt và giáo dục hòa nhập, tiếp tục vận động tổ chức, cá nhân cấp học bổng hỗ trợ cho học sinh là người khuyết tật để tạo điều kiện cho các em được đến trường.

Khuyến khích giáo viên học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn dạy hòa nhập cho học sinh khuyết tật. Giám sát việc thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với người học, giáo viên dạy học hòa nhập và chuyên biệt cho đối tượng là TEKT. Thực hiện các chương trình giáo dục TEKT, động viên, khen thưởng dạy tốt, học tốt trong lĩnh vực giáo dục TEKT.

Trong lĩnh vực y tế, cần thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ sơ sinh, để tạo điều kiện cho trẻ được tiếp cận và hướng các dịch vụ can thiệp sớm dựa vào cộng đồng, tăng cường các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe. Tăng cường năng lực đối với cán bộ quản lý, chuyên môn trong phục hồi chức năng, đặc biệt là tuyển cơ sở về kỹ năng phát hiện sớm và can thiệp sớm. Mặt khác, cần phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục hồi chức năng cho các cơ sở phục hồi chức năng.

Đối với hoạt động tham vấn nâng cao nhận thức cho trẻ em khuyết tật vận động cần có đội ngũ NVCTXH có trình độ chuyên môn và năng lực tốt, có đạo đức nghề nghiệp. NVCTXH đóng vai trò là người tham vấn hỗ trợ cho TEKT và gia đình trẻ giải quyết vấn đề về liên quan như tư vấn tâm lý, cung cấp thông tin liên quan đến TEKT, kết nối các nguồn lực về giáo dục, y tế, xã hội, đặc biệt là tham vấn nhằm hỗ trợ TEKT và gia đình trẻ cân bằng tâm lý, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với tất cả các khó khăn cản trở phía trước.

3.5. Giải pháp về huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc trợ giúp trẻ em khuyết tật

Sự tham gia của cộng đồng trong việc trợ giúp trẻ em khuyết tật có vai trò vô cùng quan trọng, hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động là hoạt động có mục đích hỗ trợ, điều chỉnh những vấn đề liên quan đến trẻ em khuyết tật. Kết quả của hoạt động này liên quan chặt chẽ tới sự phối hợp, kết hợp của các chủ thể trong quá trình thực hiện hoạt động hỗ trợ mà đặc biệt là sự phối hợp của các cơ quan, phòng, ngành, các tổ chức chính trị xã hội.

Ngoài ra xã hội hóa là chủ chương chung của Đảng và Nhà nước ta không chỉ trong công tác chăm sóc TEKT nói chung và TEKTVĐ nói riêng. Với số lượng TEKT như hiện nay và đang có xu hướng ngày càng gia tăng TEKT do tác động của môi trường, hơn nữa nguồn kinh phí giành cho lĩnh vực này còn khó khăn và hạn hẹp, việc huy động nguồn lực của các cá nhân, tổ chức là cần thiết. Như vậy cần phải có kế hoạch cụ thể và khả thi với mục tiêu là khuyến khích và tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân tài trợ, giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật tham gia hoạt động hỗ trợ giúp TEKT với các hình thức phù hợp.

Đoàn thanh niên sẽ là lực lượng xung kích thực hiện chính sách an sinh xã hội cho cộng đồng và cho thanh niên trong đó có người khuyết tật. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Luật người khuyết tật. Các tổ chức Đoàn tăng cường tuyên truyền các thông tin, kiến thức về TEKT trên các kênh thông tin của Đoàn và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo hỗ trợ kịp thời và có hiệu quả đối với TEKT, gia đình có TEKT về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là chăm sóc sức khỏe, giáo dục, đào tạo. Mở rộng hỗ trợ học nghề đến đối tượng là thanh niên khuyết tật,...

Hội phụ nữ sẽ là cầu nối để kết nối các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và toàn thể cộng đồng cùng chung tay thúc đẩy công bằng và quyền lợi cho TEKT, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

NVCTXH cần thu hút cộng đồng tham gia vào các nghiên cứu về nhu cầu của NKT trên địa bàn, đánh giá mức độ đáp ứng của xã hội với nhu cầu tối thiểu của NKT, qua đó đưa ra các khuyến nghị để bổ sung và điều chỉnh các chính sách hỗ trợ NKT trong việc hòa nhập. Các nhóm tự lực NKT sẽ có những đóng góp vào việc cung cấp các thông tin cần thiết về hiệu quả của các chính sách pháp luật hiện hành, khoảng trống giữa thực tế cần và các dịch vụ hiện có để hỗ trợ NKT hòa nhập và tự lập. NVCTXH cần tổ chức các thảo luận về các vấn đề này, trao quyền cho NKT trong việc lựa chọn và đưa ra các đề xuất với các cấp có liên quan.

3.6. Giải pháp đối với gia đình và trẻ em khuyết tật vận động

Gia đình cần phải củng cố, tăng cường mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, các thành viên cũng cần cố gắng hiểu được suy nghĩ của nhau, nhằm tăng cường vai trò và chức năng của gia đình. Cần có những trợ giúp phù hợp cho thành viên là NKT.

Bản thân người khuyết tật cần có sự tin tưởng vào bản thân, vào sự giúp đỡ của gia đình, cộng đồng và chính quyền địa phương. Luôn nỗ lực vươn lên khắc phục khó khăn, giải quyết vấn đề để khẳng định vị thế và vai trò của mình. Cần có thái độ tôn trọng người NVCTXH khi họ đang tiến hành công việc trợ giúp.

Khuyến khích và tạo điều kiện cho người thân trong gia đình tham gia vào hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động. Đặc biệt là chính sự phối hợp của gia đình có người khuyết tật và trẻ em khuyết tật từ việc xác định đối tượng, đến việc lập kế hoạch triển khai thực hiện ở phường để quản lý nguồn lực, giám sát đánh giá.

Cần phải tăng cường sự tham gia của gia đình trẻ em khuyết tật vận động vì gia đình được xem là nơi đầu tiên và cũng là nơi đóng vai trò quan trọng nhất trong việc hỗ trợ giúp đỡ trẻ em khuyết tật vận động khắc phục khó khăn, vươn lên tạo lập cuộc sống, hoag nhập cộng đồng. Vì thế, bên cạnh việc hỗ trợ trực tiếp cho TEKTVĐ, cần phải hướng tới việc hỗ trợ cho hộ gia đình có TEKT, nhằm giúp cho đối tượng này được chăm sóc tốt hơn, đồng thời qua đó lợi ích của TEKT được đảm bảo một cách bền vững và lâu dài. Trên cơ sở phân tích khả năng đáp ứng nhu cầu, khó khăn và nguyện vọng của các hộ gia đình cần nghiên cứu và ưu tiên thực hiện một số chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích hộ gia đình chăm sóc y tế, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật vận động tại gia đình, khuyến khích hộ gia đình tạo điều kiện tốt nhất cho TEKT tiếp cận được các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của trẻ.

Tiểu kết chương 3

Trong xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay thì hoạt động hỗ trợ của NVCTXH là rất quan trọng trong việc trợ giúp các nhóm đối tượng yếu thế vươn lên trong cuộc sống, hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên những chính sách trợ giúp đối với người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng còn nhiều hạn chế, đặc biệt là vai trò của công tác xã hội đối với trẻ em khuyết tật chưa được phát huy tối đa. Có thể nói bản thân nghề công tác xã hội không thể làm tốt chức năng xã hội cũng như cung ứng đầy đủ các nguồn lực cần thiết đảm bảo cho cuộc sống của trẻ em khuyết tật mà cần sự chung tay góp sức của nhiều ngành, nhiều tổ chức. Người làm công tác xã hội chỉ thực hiện nhiệm vụ như là cầu nối người khuyết tật với các nguồn lực trong xã hội thông qua các hoạt động và tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng. Do đó để giải quyết được thực trạng trên cần phải có những đề xuất, khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hơn nữa hoạt động công tác xã hội tại quận Hai Bà Trưng nhằm giúp cho người khuyết tật nói chung và trẻ em khuyết tật vận động nói riêng có cơ hội được tiếp cận với các dịch vụ xã hội, các chính sách an sinh xã hội hướng đến một xã hội công bằng, đảm bảo an sinh xã hội và tiến bộ.

KẾT LUẬN

Người khuyết tật nói chung và TEKTVĐ nói riêng là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến họ gặp khó khăn, hạn chế về đi lại, tham gia các hoạt động cộng đồng, học tập, giao tiếp, ngoài ra họ có những đặc điểm tâm lý khác biệt và gặp nhiều rào cản hơn so với những nhóm yếu thế khác trong xã hội... Mặc dù vậy, họ cũng có những thế mạnh, nhu cầu, ước mơ như mọi người bình thường. Bởi vậy, sự tham gia tư vấn, tham vấn, hỗ trợ của nhân viên công tác xã hội sẽ góp phần tạo dựng niềm tin, mở ra nhiều cơ hội mới cho NKT.

Trong những năm gần đây, Đảng, Nhà nước ta đã có rất nhiều chính sách hỗ trợ NKT nhưng vẫn còn những vấn đề mà NKT đang gặp phải vẫn là sự kỳ thị và phân biệt đối xử, số đông NKT chưa biết hoặc chưa có điều kiện, khả năng tiếp cận, hiểu biết về những chính sách ưu đãi dành cho họ, điều đó đã dẫn đến khả năng hòa nhập và phát triển của NKT bị hạn chế. Mặt khác, NKT thuộc nhóm yếu thế do sự khiếm khuyết của cơ thể, các chức năng xã hội của họ có thể bị suy giảm.

Từ thực tế này, sự tham gia của nhân viên công tác xã hội sẽ giúp NKT tiếp cận với các nguồn lực, tư vấn cho họ phát huy khả năng, trình độ để NKT trở nên mạnh mẽ hơn, tự tin sống độc lập, hòa nhập cộng đồng và tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội, có cơ hội được lao động, học tập như những người bình thường. Nhân viên công tác xã hội sẽ tham vấn cho NKT có điều kiện tiếp cận để được chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, học văn hóa, trợ giúp pháp lý, giúp họ hiểu và nắm bắt được các quyền của họ theo quy định của Pháp luật...

Nhân viên công tác xã hội cũng có vai trò và trách nhiệm quan trọng trong tiến trình tạo ra sự thay đổi tích cực đối với đời sống của NKT, thúc đẩy

môi trường xã hội, bao gồm chính sách, pháp luật, cộng đồng thân thiện để NKT dễ dàng hòa nhập xã hội. NVCTXH còn là người tư vấn, giới thiệu những chính sách an sinh xã hội mà NKT được hưởng như miễn hoặc giảm một số khoản đóng góp cho các hoạt động xã hội, tiếp cận dễ dàng hơn với các công trình, phương tiện giao thông công cộng, dịch vụ văn hóa, thể thao, du lịch và tham gia đào tạo kỹ năng sống.

Công tác xã hội là một nghề mới ở Việt Nam và là mô hình hoạt động chuyên môn hiệu quả hướng đến trao quyền và nâng cao chất lượng sống của các đối tượng yếu thế, trong đó có NKT. Cùng với việc ban hành Luật NKT (năm 2010), định hướng phát triển xã hội đến năm 2020 và đề án phát triển nghề công tác xã hội, công tác xã hội với NKT sẽ góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ, tư vấn, giảm sự kỳ thị, phân biệt với nhóm đối tượng này. Tuy nhiên công tác này nó đang phải đối mặt với những cơ hội và thách thức rất lớn. Bởi vậy, đòi hỏi phải xây dựng mô hình công tác xã hội cho NKT có tính bền vững và hiệu quả cao, cần dựa trên cách hiểu chung về vấn đề khuyết tật và hệ thống chính sách, dịch vụ xã hội hiện hành, cũng như dựa trên cách tiếp cận về hòa nhập xã hội. Mặt khác, đội ngũ nhân viên công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng chuyên nghiệp, giữ vững những giá trị nghề và phải có sự linh hoạt cần thiết trong hoạt động thực tiễn.

Với kết quả mà đề tài “Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng” đạt được sẽ góp phần quan trọng trong việc giải quyết những khó khăn của TEKTVĐ nói riêng và NKT nói chung tại quận Hai Bà Trưng. Hy vọng với sự phát triển mạnh mẽ của nghề công tác xã hội như hiện nay thì tất cả các nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội sẽ được quan tâm, trợ giúp để đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, an sinh được đảm bảo bền vững./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2012), Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.
2. Chính phủ (2013), Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng BTXH.
3. Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em (2002), Tài liệu tập huấn công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.
4. Families with Children with Disabilities - Inequalities and the Social work Model – Gia đình trẻ khuyết tật – Sự bất bình đẳng và mô hình can thiệp CTXH (Monica, 2010).
5. Giáo dục và thời đại, Trẻ khuyết tật và vấn đề đối với xã hội hiện tại (<http://giaoducthoidai.vn/>) 20/5/2018.
6. Nguyễn Thị Kim Hoa (2014), Công tác xã hội với người khuyết tật, NX Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Bùi Thị Huệ (2011), *Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc giải quyết vấn đề của người khuyết tật*.
8. Hà Thị Thư (2015), Cơ sở lý luận và thực tiễn ngành công tác xã hội với người khuyết tật.
9. Khánh Hiền (2011), *Giáo dục hòa nhập là mục tiêu của các nước Đông Nam Á*, Hội nghị lần thứ 2 quan chức cấp cao SEAMEO về giáo dục cơ bản, Hà Nội.
10. Vũ Thị Hương Lý (2009), Những rào cản về tâm lý của trẻ khuyết tật học hòa nhập, Tạp chí Giáo dục số 209 (1), 3/2009, tr 19 – 20. 21.
11. Bùi Thị Xuân Mai (2012), Nhập môn Công tác xã hội, NXB Lao động – Xã hội.
12. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Hai Bà Trưng (2019),

báo cáo thực hiện công tác bảo trợ xã hội năm 2019, nhiệm vụ năm 2020.

13. Đặng Thị Mỹ Phương (2010), *Một số biện pháp tổ chức hoạt động dạy học nhằm đảm bảo cho trẻ khiếm thính học hòa nhập thành công trong trường tiểu học*.
14. Quốc hội (2010), Luật số 51/2010/QH12: Luật người khuyết tật.
15. Quốc hội (2016), Luật số : 102/2016/QH13 Luật trẻ em.
16. Social work with disabled people (Thomas, 2012) – Công tác xã hội với người khuyết tật.
17. Social Work with Disabled Children – Công tác xã hội với trẻ em khuyết tật (Kelly, 2005).
18. Nguyễn Thị Thu (2016) “Công tác xã hội nhóm đối với trẻ khuyết tật vận động từ thực tiễn trung tâm phục hồi chức năng và trợ giúp trẻ tàn tật tại thành phố Hồ Chí Minh”.

PHỤ LỤC 1

BẢNG HỎI

THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHU CẦU CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Dành cho trẻ em khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du,
phường Phạm Đình Hổ)

Tôi là học viên Cao học khoa Công tác xã hội – Trường Đại học Lao động – Xã hội. Tôi đang thực hiện luận văn thạc sỹ với đề tài: “Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội”. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến cho phiếu khảo sát này. Tôi xin cam đoan toàn bộ nội dung thông tin thu thập được sẽ chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

(Gợi ý trả lời: em đồng ý với phương án nào thì đánh dấu (x) vào đáp án đó; Trong trường hợp phải viết, em có thể nhờ người hỗ trợ viết vào phiếu hỏi nếu em gặp khó khăn trong việc viết)

I. THÔNG TIN CHUNG:

Họ và tên:

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Tuổi:.....

Nơi cư trú:.....

Trình độ học vấn:

Chưa qua đào tạo. ☐ Trung học cơ sở ☐

Tiểu học ☐ Trung học phổ thông ☐

Hiện em đang sống cùng ai?

Bố mẹ ☐ Anh, chị, em ruột ☐

Ông bà ☐ Họ hàng ☐

Khác (ghi rõ).....

Em thuộc dạng khuyết tật nào dưới đây:

Khuyết tật chân phải	☐	Khuyết tật tay phải	☐
Khuyết tật chân trái	☐	Khuyết tật tay trái	☐
Khuyết tật cả hai chân	☐	Khuyết tật cả hai tay	
Khuyết tật một tay và một chân		Khuyết tật khác, cụ thể....	

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Câu 1: *Hiện tại sức khỏe của em như thế nào?*

Khoẻ mạnh	☐	Không được khoẻ	☐
Bình thường	☐	Yếu	☐
Khác (ghi rõ).....			

Câu 2: *Em đã nhận được hoạt động hỗ trợ nào và đánh giá của em về hoạt động này? (Đánh dấu vào các dịch vụ đã nhận được và mức độ em thấy phù hợp)*

Hoạt động	Mức độ hài lòng			
	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
Chăm sóc sức khỏe	☐	☐	☐	☐
Tham vấn nâng cao năng lực	☐	☐	☐	☐
Kết nối nguồn lực	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ giáo dục	☐	☐	☐	☐
Thiết bị hỗ trợ (xe lăn, nạng, dụng cụ chỉnh hình,...)	☐	☐	☐	☐
Khác (ghi rõ).....	☐	☐	☐	☐

Câu 3: Nếu chưa nhận được hỗ trợ tại địa phương thì địa phương có kết nối em tới các cơ sở khác để nhận hỗ trợ mà em mong muốn không?

Có ☐	Không ☐
-----------------------------	--------------------------------

Câu 4: Nếu có thì em đã nhận được hoạt động hỗ trợ nào?

Hoạt động	
Chăm sóc sức khỏe	☐
Tư vấn, tham vấn tâm lý	☐
Kết nối nguồn lực	☐
Hỗ trợ giáo dục	☐
Thiết bị hỗ trợ (xe lăn, nạng, dụng cụ chỉnh hình,...)	☐
Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 5: Em đã gặp những thuận lợi nào khi tham gia các hoạt động tại địa phương? (có thể chọn nhiều phương án)

Được tư vấn, tham vấn tâm lý

Được tạo điều kiện học tập

Được chăm sóc sức khỏe thường xuyên

Được giao lưu văn hoá, văn nghệ, TDTT

Được tạo điều kiện giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm

Khác (ghi rõ).....

Câu 6: Em có thường xuyên tham gia vào các hoạt động tại địa phương không?

Có ☐

Không ☐

Câu 7: Những khó khăn mà em gặp phải khi tham gia các hoạt động tại địa phương?

Khó khăn trong việc đi lại ☐

Không có cơ hội giao lưu, chia sẻ ☐

Khác (ghi rõ).....

Câu 8: Em vui lòng cho biết mức độ hài lòng đối với các hoạt động của nhân viên công tác xã hội mang lại cho em

Hoạt động	Mức độ			
	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng
Tuyên truyền , giáo dục nâng cao năng lực	☐	☐	☐	☐
Tham vấn nâng cao năng lực	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ về giáo dục	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng	☐	☐	☐	☐
Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp	☐	☐	☐	☐

Câu 9: Em vui lòng cho biết mức độ tác động của một số yếu tố chủ quan dưới đây tới vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động?

Yếu tố tác động	Mức độ			
	Tác động mạnh	Tác động trung bình	Ít tác động	Không tác động
Trình độ chuyên môn	☐	☐	☐	☐
Kỹ năng	☐	☐	☐	☐

Kinh nghiệm công tác				
Phẩm chất đạo đức	☐	☐	☐	☐
Lòng yêu nghề	☐	☐	☐	☐
Khác....				

Câu 10: Em vui lòng cho biết mức độ tác động của một số yếu tố khách quan dưới đây tới hoạt động của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động?

Yếu tố tác động	Mức độ			
	Tác động mạnh	Tác động trung bình	Ít tác động	Không tác động
Điều kiện phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước	☐	☐	☐	☐
Chủ trương chính sách Của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nghề công tác xã hội				
Sự quan tâm của chính quyền, các tổ chức xã hội ở địa phương				
Nhận thức của cộng đồng về người khuyết tật và công tác xã hội với người khuyết tật	☐	☐	☐	☐
Gia đình trẻ khuyết tật	☐	☐	☐	☐
Đặc điểm của trẻ em khuyết tật vận động	☐	☐	☐	☐

Câu 11: Để hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội có hiệu quả thì em có kiến nghị gì?

.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ của em

PHỤ LỤC 2
BẢNG HỎI
THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHU CẦU CỦA TRẺ EM KHUYẾT TẬT
VẬN ĐỘNG TẠI QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 (Dành cho bố, mẹ trẻ khuyết tật vận động tại phường Nguyễn Du,
 phường Phạm Đình Hổ)

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên:

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Tuổi:

Địa chỉ:

Trình độ học vấn:

Trình độ chuyên môn:

Nghề nghiệp:

Hỗ trợ việc nhà ☐ Buôn bán nhỏ ☐

Làm công ăn lương ☐ Không có nghề nghiệp cụ thể ☐

Nghề nông ☐ Không làm gì ☐

Mức độ khuyết tật của trẻ (nếu đã được xác định):

Hoàn cảnh kinh tế gia đình ông, bà thuộc diện?

Hộ nghèo ☐ Cận nghèo ☐ Không nghèo ☐

Các thành viên trong gia đình (nêu cụ thể):

1.....

2.....

3.....

4.....

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Câu 1: *Quá trình chăm sóc, chữa trị cho con mình tại gia đình có thuận lợi hay khó khăn không? (nêu tối đa 3 lý do thuận lợi, 3 lý do khó khăn nhất)*

- Thuận lợi

.....

.....

.....

- Khó khăn

.....

.....

.....

Câu 2: *Việc nắm bắt, cập nhập các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với trẻ em khuyết tật vận động của gia đình ông/bà như thế nào?*

Kịp thời

☐

Chưa kịp thời

☐

Câu 3: *Theo ông/bà hoạt động hỗ trợ nào dưới đây quan trọng đối với ông/bà trong việc chăm sóc, chữa trị cho trẻ khuyết tật vận động? (có thể chọn nhiều phương án)*

Hoạt động chăm sóc sức khỏe

☐

Hoạt động tư vấn, tham vấn tâm lý

☐

Hoạt động kết nối nguồn lực

☐

Hoạt động hỗ trợ giáo dục

☐

Hoạt động thiết bị hỗ trợ (xe lăn, nạng, dụng cụ chỉnh hình,...)

☐

Khác (ghi rõ).....

Câu 4: *Con ông/bà từ trước đến nay có nhận được hỗ trợ nào không?*

Có ☐Không ☐**Câu 5:** Nếu có thì con ông/bà đã nhận được hoạt động hỗ trợ nào?

Hoạt động	
Chăm sóc sức khỏe	☐
Tư vấn, tham vấn tâm lý	☐
Kết nối nguồn lực	☐
Hỗ trợ giáo dục	☐
Thiết bị hỗ trợ (xe lăn, nạng, dụng cụ chỉnh hình,...)	☐
Khác (ghi rõ).....	☐

Câu 6: Gia đình ông/bà đã nhận được nguồn hỗ trợ từ đâu?Chính quyền địa phương ☐Quỹ bảo trợ trẻ em Quận ☐Chính sách dành cho người khuyết tật của Nhà nước ☐

Khác (ghi rõ).....

Câu 7: Ông/bà vui lòng cho biết mức độ quan trọng của một số hoạt động trợ giúp của nhân viên công tác xã hội mang lại cho ông/bà?

Hoạt động	Mức độ			
	Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Ít quan trọng
Tuyên truyền , giáo dục nâng cao năng lực	☐	☐	☐	☐

Tham vấn nâng cao năng lực	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ về giáo dục	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng	☐	☐	☐	☐
Hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực trợ giúp	☐	☐	☐	☐

Câu 7: Mức độ hài lòng của ông/bà đối với nhân viên công tác xã hội tại UBND phường thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động? (Đánh dấu vào các dịch vụ đã nhận được và mức độ ông/bà thấy phù hợp)

Hoạt động	Mức độ hài lòng			
	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
Chăm sóc sức khỏe	☐	☐	☐	☐
Tư vấn, tham vấn tâm lý	☐	☐	☐	☐
Kết nối nguồn lực	☐	☐	☐	☐
Hỗ trợ giáo dục	☐	☐	☐	☐
Thiết bị hỗ trợ (xe lăn, nạng, dụng cụ chỉnh hình,...)	☐	☐	☐	☐
Khác (ghi rõ).....	☐	☐	☐	☐

Câu 8: Ông/bà có nhận xét gì về các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội?

.....

Xin chân thành cảm ơn sự chia sẻ của anh chị!

PHỤ LỤC 3

CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho nhân viên công tác xã hội quận Hai Bà Trưng)

Xin chào Anh/Chị: Tên tôi là Hoàng Thanh Tâm, tôi là học viên Cao học khoa Công tác xã hội – trường Đại học Lao động Xã hội. Hiện tại tôi đang tiến hành làm luận văn về đề tài: “Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội”. Rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của anh/chị. Tôi cam kết sẽ giữ bí mật những thông tin này, chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu khoa học.

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Tuổi:.....

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Trình độ văn hoá:.....

Nghề nghiệp:.....

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

1. Anh/chị có thể cho biết đối tượng trẻ em KTVĐ nói riêng và trẻ em khuyết tật nói chung có phải là những đối tượng mà UBND phường mình quan tâm nhất không ?
2. Trẻ em KTVĐ thường những nhu cầu gì và mức độ đáp ứng các nhu cầu đó như thế nào? Hoạt động công tác xã hội cần đáp ứng những nhu cầu nào của trẻ khuyết tật vận động?
3. Với vai trò là nhân viên công tác xã hội, anh/chị đã có những hoạt động gì hỗ trợ trẻ em KTVĐ để đáp ứng nhu cầu của họ? Những hoạt động đó có được diễn ra thường xuyên hay không?
4. Hiện anh/chị có thường xuyên được đi học nâng cao nghiệp vụ chuyên

môn hay không? Anh/chị có nhận xét như thế nào về sự tham gia của nhân viên công tác xã hội tại UBND phường trong việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật vận động tại địa phương?

5. Qua việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ trực tiếp cho trẻ em KTVĐ tại địa phương, anh/chị có thể tự đánh giá chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ đến đối tượng hưởng lợi trực tiếp là trẻ em KTVĐ như thế nào?
6. Anh/chị cho biết những thuận lợi và khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện hoạt động hỗ trợ cho trẻ em KTVĐ? Anh/chị thường khắc phục khó khăn đó như thế nào?
7. Theo anh/chị hoạt động trợ giúp nào có ảnh hưởng tốt nhất đến trẻ em KTVĐ. Hoạt động nào là quan trọng nhất?
8. Theo anh/chị để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác xã hội trong trợ giúp trẻ em KTVĐ tại Quận thì cần phải làm những gì? Anh/chị có mong muốn gì trong việc nâng cao hiệu quả này không?

Xin chân thành cảm ơn sự tham gia của anh/chị.